



CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2019



MỤC LỤC

GIỚI THIỆU CHUNG

Thông tin khái quát
Ngành nghề và
Địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị
Định hướng phát triển
Các rủi ro trong kinh doanh

7	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 23
	Tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh
	Tổ chức và nhân sự
	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
	Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu
	Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội

41	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BGD
	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
	Tình hình quản trị tài sản nguồn vốn
	Phương hướng nhiệm vụ năm 2020

53	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
	Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD
	Kế hoạch, định hướng của HĐQT

59	QUẢN TRỊ CÔNG TY
	Đại hội đồng cổ đông
	Hội đồng quản trị
	Ban kiểm soát
	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác

71	BÁO CÁO TÀI CHÍNH
----	-------------------

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CTCP: Công ty cổ phần

ĐHĐCĐ: Đại Hội đồng Cổ đông

HĐQT: Hội đồng quản trị

BKS: Ban kiểm soát

CBCNV: Cán bộ công nhân viên

Sở GDCK: Sở Giao dịch Chứng Khoán

Bộ NN-PTNT: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn

KLH: Khu liên hợp

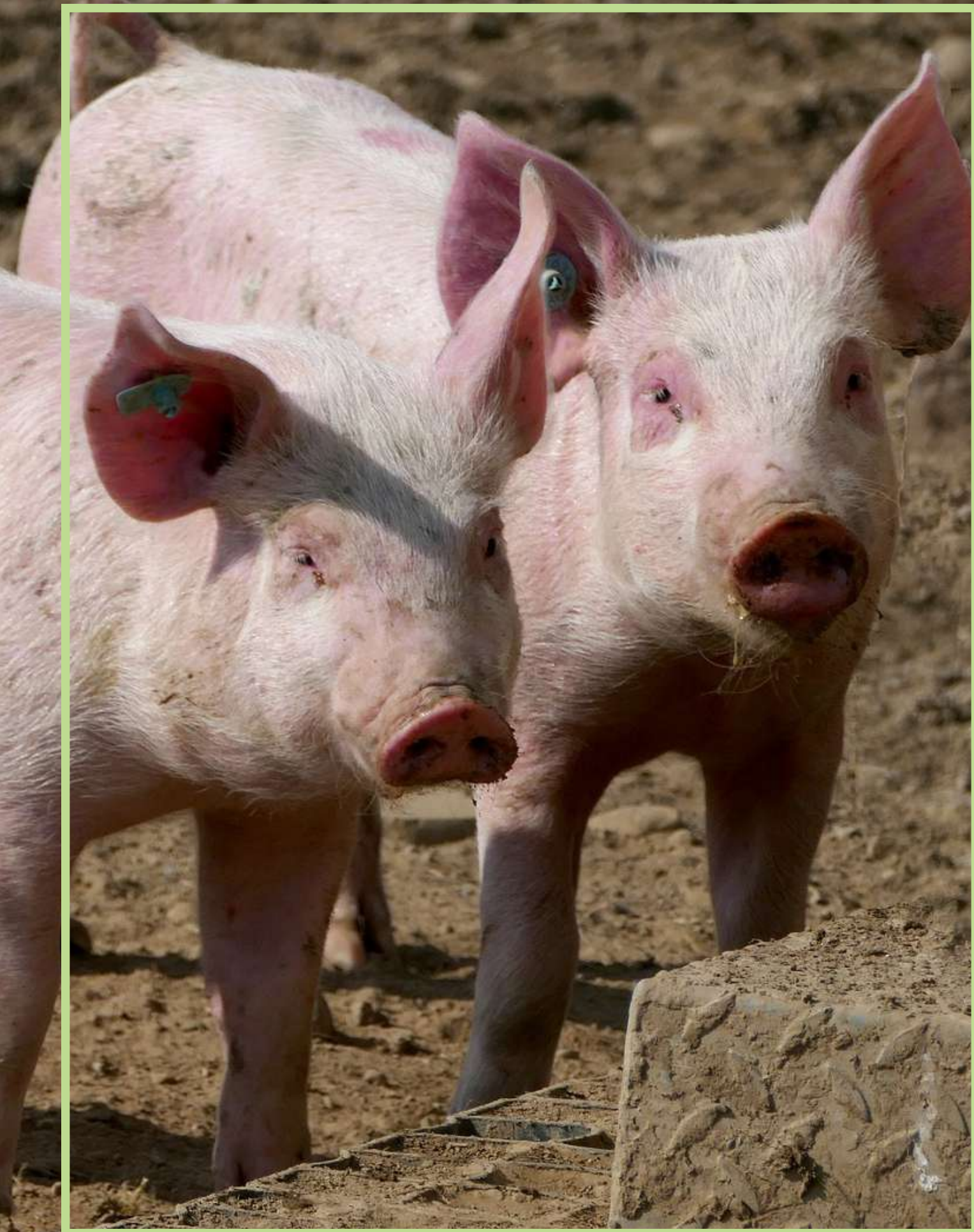
FMD: Bệnh dịch lở mồm long móng

AFS: Bệnh dịch tả lợn Châu Phi

PRRS: Hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp (tai xanh)

ATLĐ: An toàn lao động

PCCC: Phòng cháy chữa cháy



1

GIỚI THIỆU CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro trong kinh doanh

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600271092 do Sở kế hoạch và đầu tư Đồng Nai cấp lần đầu ngày 19/08/2005, thay đổi lần thứ 6 ngày 16/01/2020

Vốn điều lệ: 118.125.000.000 VNĐ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 118.125.000.000 VNĐ

Địa chỉ: 101 Ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: (0251) 386 9064 - 386 9700

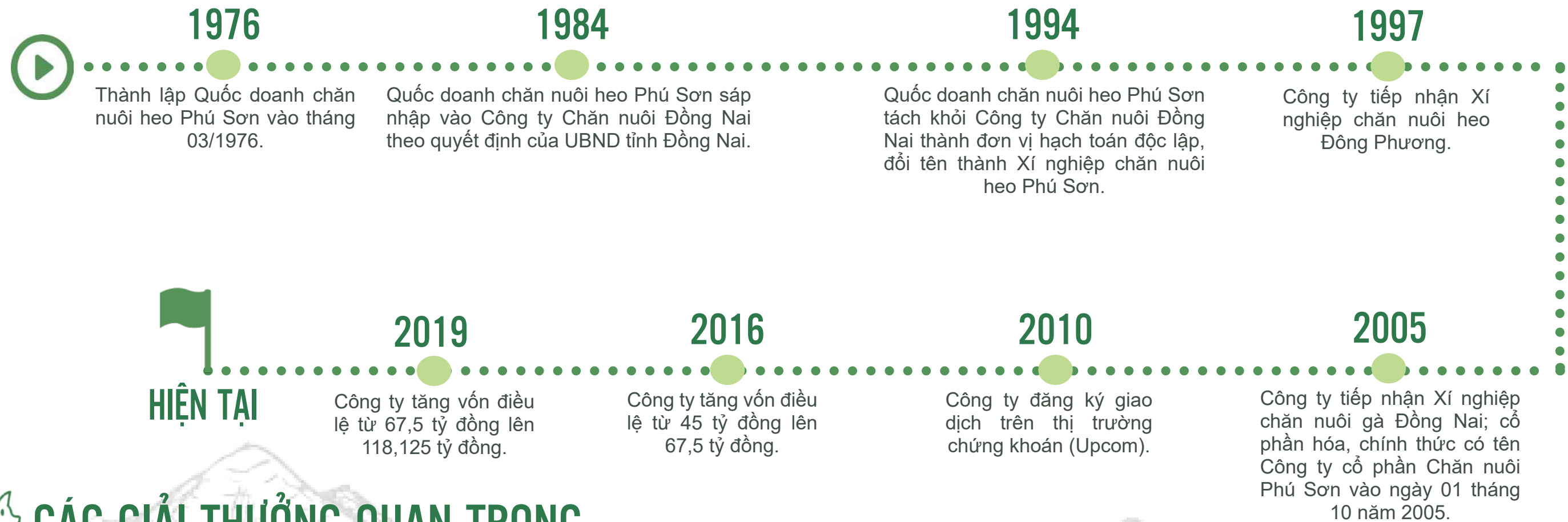
Số fax: (0251) 386 9065

Website: www.channuoiphuson.com.vn

Mã cổ phiếu: PSL



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN









CÁC GIẢI THƯỞNG QUAN TRỌNG

Từ khi thành lập đến nay, Ban Lãnh đạo không ngừng nỗ lực cải thiện chất lượng sản phẩm và từng bước ghi dấu hình ảnh Công ty trên thị trường. Công ty đã được Nhà nước phong tặng nhiều danh hiệu cao quý, cụ thể:

-  **Năm 1979:** Huân chương lao động hạng 3
-  **Năm 1992:** Huân chương lao động hạng 2
-  **Năm 1996:** Huân chương lao động hạng 1
-  **Năm 2000:** Anh hùng lao động

Bên cạnh đó, Công ty còn vinh dự được trao tặng nhiều giải thưởng uy tín từ hiệp hội người tiêu dùng như:

-  **Năm 2003:** Công ty nhận chứng chỉ Quản lý chất lượng ISO 9001:2000
-  **Năm 2005:** Cúp vàng Thương Hiệu Việt
-  **Năm 2006:** Cúp vàng Topten sản phẩm uy tín chất lượng
-  **Năm 2007:** Cúp vàng “Thương hiệu và nhãn hiệu”
-  **Năm 2010:** Công ty đã chuyển đổi sang chứng chỉ ISO 9001:2008
-  **Năm 2013:** Công ty sản xuất theo tiêu chuẩn Viet Gap và đã được đánh giá lại ngày 20/01/2016

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu các loại gia súc, gia cầm, thủy sản và những vật nuôi khác như: cá sấu, đà điểu, rắn, baba, ...; các loại nông sản, nguyên vật liệu chế biến thức ăn gia súc, chăn nuôi.
- Chế biến súc sản, thủy sản.
- Dịch vụ chăn nuôi thú y: cố vấn kỹ thuật, xây dựng chuồng trại, cơ sở hạ tầng, chuyển giao công nghệ chăn nuôi.
- Mua bán xăng dầu nhớt (theo mạng lưới xăng dầu của tỉnh).
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh hạ tầng khu dân cư.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty cung cấp ra thị trường toàn quốc các sản phẩm chăn nuôi gia súc đảm bảo tiêu chuẩn sạch, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi do Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn quy định. Những thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty với số lượng đáng kể bao gồm:

- Các tỉnh miền Trung trở vào đến các tỉnh miền Đông Nam Bộ đối với các sản phẩm heo giống;
- Các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh với các sản phẩm heo thịt;
- Tinh heo chủ yếu được tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



Heo giống nuôi thịt: Sản phẩm bán ra thị trường là những heo con nuôi thịt khoảng 65 ngày tuổi có trọng lượng từ 18 - 25kg. Những heo giống này đã được tiêm phòng đầy đủ các loại vaccine cho một số bệnh như: Dịch tả, lở mồm long móng (FMD), Myco Plasma, PRRS (tai xanh), v.v...



Heo hậu bị giống: Heo hậu bị đực gồm các giống thuần Yorkshire, Duroc. Heo hậu bị cái gồm các giống Yorkshire, Duroc thuần hoặc heo lai Land - York, heo lai York - Land. Heo có nguồn gốc từ các giống heo ngoại nhập cho năng suất cao. Heo con nuôi thịt có khả năng phát triển tốt, mau lớn.



Heo thịt: Là heo có chất lượng tốt từ những giống heo cho tỷ lệ thịt cao; cam kết không sử dụng các hóa chất cấm; đảm bảo không có chất kháng sinh vì đã áp dụng thời gian ngưng thuốc đúng quy định.



Tinh heo: Tạo điều kiện để các hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ được tiếp cận được với các giống heo mới có năng suất như Yorkshire, Duroc,...

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

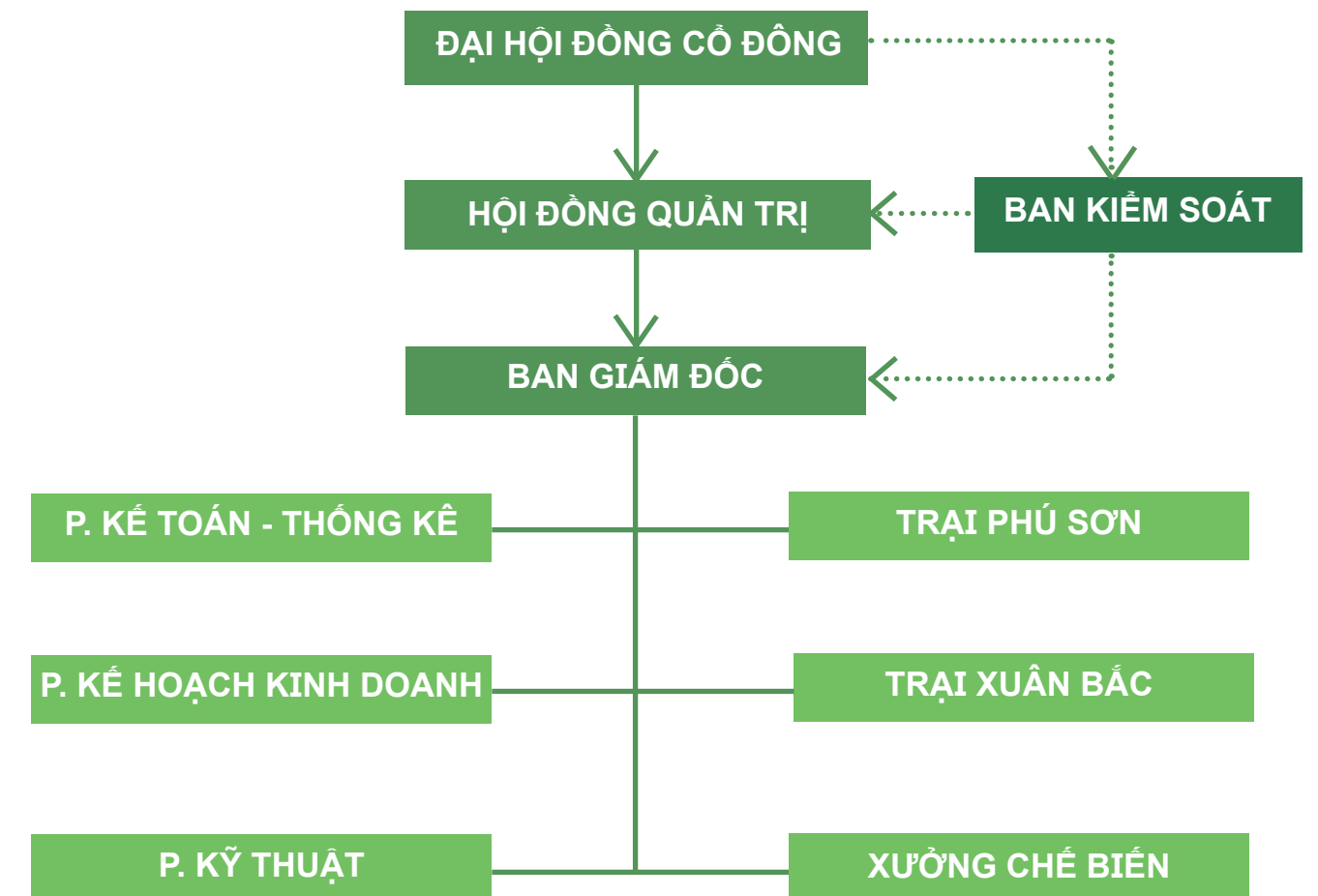
Hiện nay, Công ty CP chăn nuôi Phú Sơn là Công ty con của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (Dofico), với tỷ lệ nắm giữ ở PSL là 73,56% vốn điều lệ, tương đương 8.688.981 cổ phiếu PSL.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

- **Địa chỉ:** Số 833A, Xa lộ Hà Nội, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai.
- **Hoạt động kinh doanh chính:** Sản xuất công nghiệp; cung cấp vật tư nông nghiệp và chế biến nông sản thực phẩm; khai thác tài nguyên và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; dịch vụ - du lịch – thương mại – xuất nhập khẩu.
- **Điện thoại:** 0251.3836110
- **Fax:** 0251.3836132
- **Website:** www.dofico.com.vn



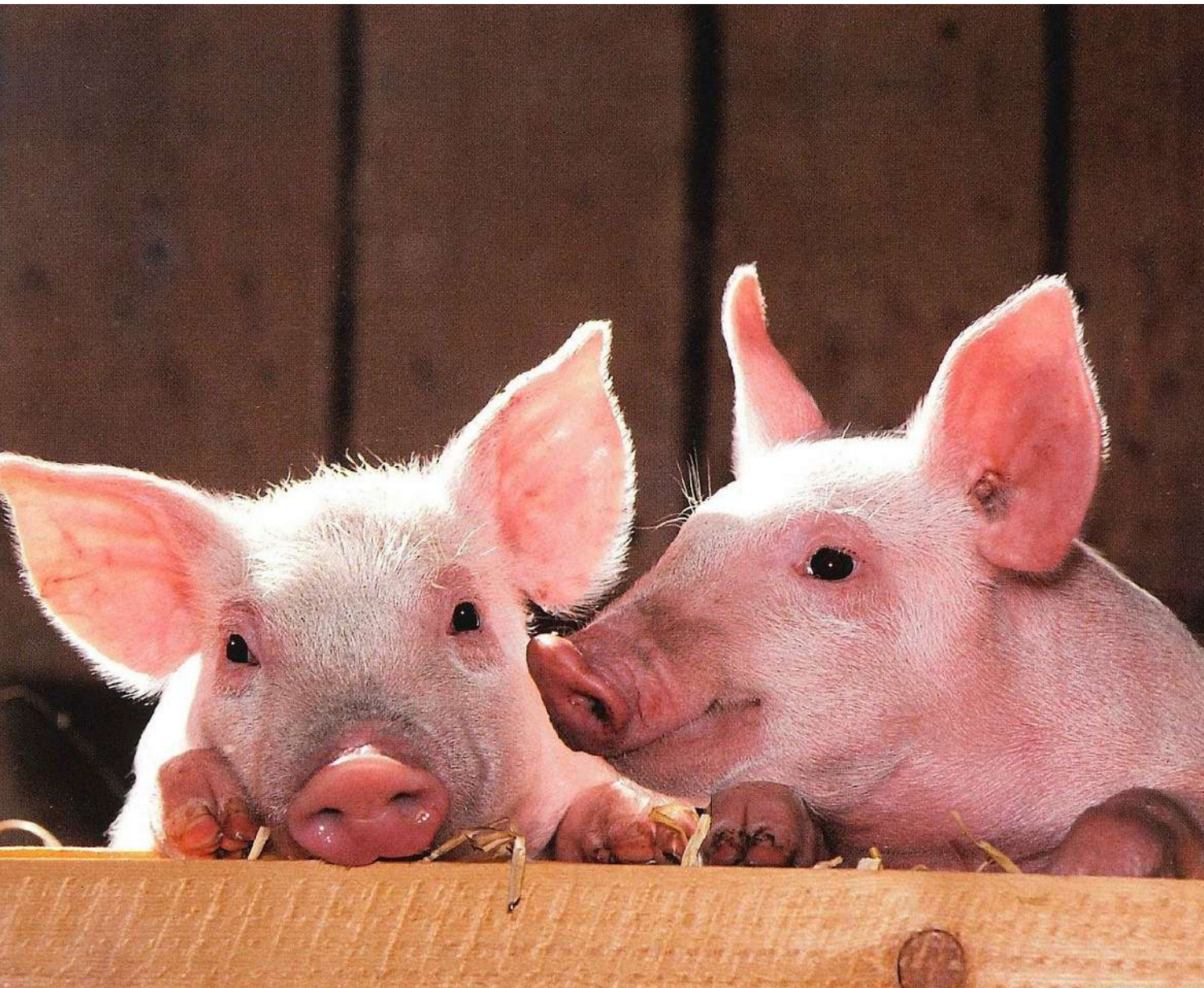
CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng Cổ đông.

Ban Kiểm soát: là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Pháp luật và ĐHĐCĐ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.



Chúng tôi làm việc với mục tiêu mang lại cho người tiêu dùng những “Sản phẩm chất lượng cao, an toàn và thân thiện”

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN²



MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Tập trung vào lĩnh vực chăn nuôi heo là thế mạnh của Công ty với các mục tiêu cụ thể:



Chất lượng sản phẩm: Những sản phẩm của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn khi được đưa ra thị trường đều phải đảm bảo được chất lượng tốt nhất, đạt các yêu cầu về an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh.



Quy mô sản xuất: Công ty đã xây dựng cơ sở chăn nuôi mới tại xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc (hoàn tất giai đoạn 1 quy mô 2.400 heo nái trong năm 2018). Công ty định hướng trong năm 2020 cũng như nhiệm kỳ sắp tới 2021 - 2025 phải xây dựng xong giai đoạn 2 để hoàn tất dự án ở Xuân Bắc với quy mô 4.800 nái sinh sản theo hướng hiện đại, đồng thời hoàn thành thủ tục và tiến hành xây dựng Trại heo tại xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc để mở rộng quy mô chăn nuôi. Hiệu quả sản xuất kinh doanh: Công ty tiến hành áp dụng kỹ thuật quản lý hiện đại vào hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, để các chiến lược và định hướng đạt được chỉ tiêu đề ra.



Công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh thú y: Công ty tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, vệ sinh chuồng trại, chăm sóc và kiểm tra tình trạng sức khỏe vật nuôi định kỳ.



Hoạt động đầu tư: Công ty vẫn tiếp tục tiến hành các dự án xây dựng Trại chăn nuôi heo còn dang dở và đang cố gắng đẩy nhanh tiến độ thực hiện để các dự án sớm được đi vào hoạt động. Tiếp tục duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI DẠN



Đối với công tác sản xuất

Công ty không ngừng đầu tư nghiên cứu để cải thiện chất lượng các giống heo hiện có, tăng năng suất cho đàn heo hậu bị và heo nái và cho lứa heo xuất chuồng đạt chất lượng tốt nhất. Hoạt động chăn nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, hạn chế tối đa dịch bệnh phát sinh và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Công ty định kỳ đều tiến hành kiểm tra sức khỏe người lao động.

Đối với công tác quản lý

Công ty tăng cường các hoạt động kiểm soát để đảm bảo CBCNV tuân thủ đúng các quy trình, quy định đã ban hành.



Các mục tiêu phát triển bền vững

Sản xuất chăn nuôi không chỉ gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ môi trường mà còn gắn liền với cam kết về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Việc áp dụng các công nghệ tiên tiến để xử lý nước thải, xử lý mùi hôi,... đã đem lại hiệu quả trong chăn nuôi, giúp giảm bớt các nguy cơ dịch bệnh và hạn chế chất thải ra môi trường. Bằng cách đó, Công ty có thể đạt được tín nhiệm từ đối tác, khách hàng, thực hiện trách nhiệm với xã hội trong mục tiêu phát triển bền vững.

CÁC RỦI RO TRONG KINH DOANH

RỦI RO LẠM PHÁT

Trong năm 2019, trước tình hình bất ổn của chính trị và kinh tế thế giới, giá các nguyên vật liệu như vàng và dầu tăng, gây ảnh hưởng tới chỉ số giá tiêu dùng (CPI). Bên cạnh đó, nguồn cung thịt lợn giảm cũng đẩy giá bán thịt trong năm qua tăng cao, góp phần đẩy chỉ số CPI lên cao, tăng nguy cơ lạm phát. Theo Tổng cục Thống kê, so với năm 2018, chỉ số giá vàng bình quân tăng hơn 7,55% còn chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,79% (chủ yếu ảnh hưởng từ giá các mặt hàng thực phẩm, dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục). Trước bối cảnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã kịp thời thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ để hỗ trợ cho sự phát triển của nền kinh tế, vì vậy lạm phát của Việt Nam vẫn được kiểm soát ổn định dưới 3% theo kế hoạch, hạn chế phần nào hành vi mua sắm của người tiêu dùng bị ảnh hưởng bởi sự tăng giá bất thường của các mặt hàng trong nền kinh tế.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi heo với sản phẩm đầu ra là heo giống, heo thịt (thuộc ngành thực phẩm) nên Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn không chịu ảnh hưởng quá nghiêm trọng bởi rủi ro lạm phát. Nguyên nhân là dù trong bối cảnh lạm phát, người dân vẫn cần mua sắm lương thực thực phẩm để đáp ứng nhu cầu hàng ngày, nên tiêu thụ đầu ra của mặt hàng này vẫn sẽ được duy trì khá ổn định so với các mặt hàng hay dịch vụ khác. Tuy nhiên, để đề phòng những tình

huống xấu nhất, Công ty vẫn luôn theo dõi và cập nhật tình hình thị trường liên tục để kịp thời có những chính sách điều chỉnh thích hợp trong chiến lược kinh doanh, hạn chế tối thiểu mức tổn thất có thể xảy ra.

RỦI RO LÃI SUẤT

Cuối năm 2019, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay ngắn hạn ở các tổ chức tín dụng giảm khoảng 0,5% do các Quyết định mà Ngân hàng Nhà nước ban hành (Quyết định số 2415/QĐ-NHNN và Quyết định số 2416/QĐ-NHNN). Theo đó, kể từ ngày 19/11/2019, lãi suất trần của các khoản tiền gửi không kỳ hạn giảm còn 0,8%/năm, của các khoản tiền gửi kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng giảm còn 5%/năm. Bên cạnh đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ; các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như các doanh nghiệp có ứng dụng công nghệ cao giảm còn 6%/năm. Động thái này sẽ có lợi cho những doanh nghiệp có sử dụng đòn bẩy tài chính và bất lợi cho những doanh nghiệp có các khoản tiền gửi lớn tại các tổ chức tín dụng. Để tận dụng tối đa lợi ích và hạn chế tối thiểu rủi ro đến từ biến động lãi suất, Công ty chủ động theo dõi và cập nhật liên tục các Quyết định liên quan đến lãi suất của Ngân hàng Nhà nước cũng như cập nhật diễn biến lãi suất trên thị trường để có thể kịp thời điều chỉnh và cân đối các khoản mục tài sản – nguồn vốn hợp lý.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Là doanh nghiệp hoạt động trong mảng chăn nuôi, Công ty luôn phải đối mặt với rủi ro đặc thù như dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm và biến động giá. Năm vừa qua, ngành chăn nuôi heo tại Việt Nam bị ảnh hưởng bởi bệnh dịch tả lợn Châu Phi (AFS). Theo báo cáo của Cục Chế biến và Phát triển Thị trường Nông sản (Bộ NN-PTNT), gần 6 triệu con lợn trên cả nước đã bị tiêu hủy do dịch bệnh, dẫn đến sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng cả năm 2019 giảm 13,8%. Tuy sản lượng cung thịt trên thị trường khan hiếm đẩy giá thịt lợn tăng cao (Giá lợn miền Bắc tăng từ 15.000 – 18.000 đồng/kg, giá lợn tại miền trung, Tây nguyên tăng 9.000 – 11.000/kg và miền Nam tăng 8.000 – 12.000/kg); cuối năm giá heo thịt hơi tăng lên mức trên 70.000 đồng/kg nhưng biên lợi nhuận của các công ty trong ngành vẫn bị giảm xuống đáng kể do giá bán tăng không đủ bù đắp cho tổn thất. Tại CTCP Chăn nuôi Phú Sơn, việc tiêu hủy 16.118 con lợn các loại tại Trại heo Phú Sơn do bị bệnh dịch tả lợn Châu Phi đã đẩy chi phí giá vốn hàng bán lên cao, khiến Công ty bị thiệt hại nghiêm trọng trong năm qua. Để tối thiểu hóa rủi ro này, Công ty đã tích cực vệ sinh chuồng trại, khu vực xung quanh các trại ở cơ sở mới tại huyện Xuân Lộc và huyện Vĩnh Cửu (trại thuê); vệ sinh con người, phương tiện di chuyển, hạn chế phương tiện di chuyển ra vào trại, phun thuốc khử trùng tiêu độc, tiêm phòng vaccine cho heo đầy đủ và bố trí thời gian lao động của người lao động phù hợp tình hình thực tế nhằm đảm bảo an toàn sinh học cho đàn heo.

RỦI RO CẠNH TRANH

Việt Nam hội nhập và tham gia vào các hiệp định thương mại tự do đã tạo cơ hội cho các mặt hàng nhập khẩu từ nước ngoài, trong đó có thịt và các chế phẩm từ thịt được miễn giảm gánh nặng từ thuế. Đặc biệt, hiệp định

EVFTA được Nghị Viện châu Âu chính thức bỏ phiếu thông qua ngày 12/2/2019 đã mở ra cơ hội miễn thuế cho mặt hàng thịt heo đông lạnh đến từ thị trường Châu Âu sau 7 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực. Vì vậy trong tương lai, sản phẩm thịt heo nội địa có nguy cơ phải cạnh tranh khốc liệt hơn với các sản phẩm nhập khẩu. Trong khi đó, các doanh nghiệp chăn nuôi trong nước như Masan, Hùng Vương, Hòa Phát,... cũng đã chuẩn bị tốt cho nguy cơ bị tranh giành thị phần đến từ các công ty nước ngoài bằng cách tăng cường đầu tư hệ thống chuồng trại hiện đại và phát triển các giống heo năng suất hơn nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra.

Trước rủi ro cạnh tranh đến từ các đối thủ trong nước lẫn nước ngoài, Công ty đã nâng cao quy trình quản lý, tăng cường ứng dụng kỹ thuật chăn nuôi, đồng thời tìm kiếm công nghệ sản xuất, con giống có chất lượng,... để duy trì vị thế và mở rộng thị phần.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Do hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn Upcom (Sở GDCK Hà Nội) nên Công ty phải chịu sự quản lý và ràng buộc của Luật doanh nghiệp 2014, Luật chứng khoán, Luật Chăn Nuôi và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Bên cạnh đó, Công ty còn phải tuân theo các quy định riêng của Bộ NN-PTNT, quy định về vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm, v.v...

Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách luôn cập nhật các thay đổi trong quy định, chính sách cũng như luôn giám sát, nhắc nhở các CBCNV chủ động thi hành đúng pháp luật.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... là các rủi ro bất khả kháng. Nếu xảy ra có thể sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty.



2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính công ty
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH 2019/ KH 2019	TH 2019/TH 2018
Sản lượng sản xuất						
- Heo giống	Tấn	660	650	342	52,6%	51,8%
- Heo thịt	Tấn	3.068	2.200	1.803	81,96%	58,77%
- Tinh heo	1000 liều	26,80	24	11	45,83%	41,04%
Tổng doanh thu bán hàng	Triệu đồng	180.085	129.000	98.967	76,72%	54,96%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	30.267	5.500	(23.025)	-418,64%	-76,07%
Nộp ngân sách	Triệu đồng	3.683	1.186	1.324	111,64	35,95%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	17,11	2,86	-19,8%	-	-
Tiền lương BQ người LĐ/tháng	Triệu đồng	9,333	6,821	7,398	108,5	72,3%

Nhìn chung năm vừa qua tình hình hoạt động của CTCP Chăn nuôi Phú Sơn bị ảnh hưởng đáng kể do dịch bệnh AFS. Theo đó, sản lượng sản xuất heo giống, heo thịt, tinh heo cũng như doanh thu bán hàng đều sụt giảm nhiều so với kế hoạch và so với thực tế sản xuất năm 2018. Không dừng lại ở đó, chi phí giá vốn cũng bị đội lên cao do phải chữa trị và tiêu hủy heo bệnh, dẫn đến lợi nhuận năm 2019 của Công ty ở mức âm.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

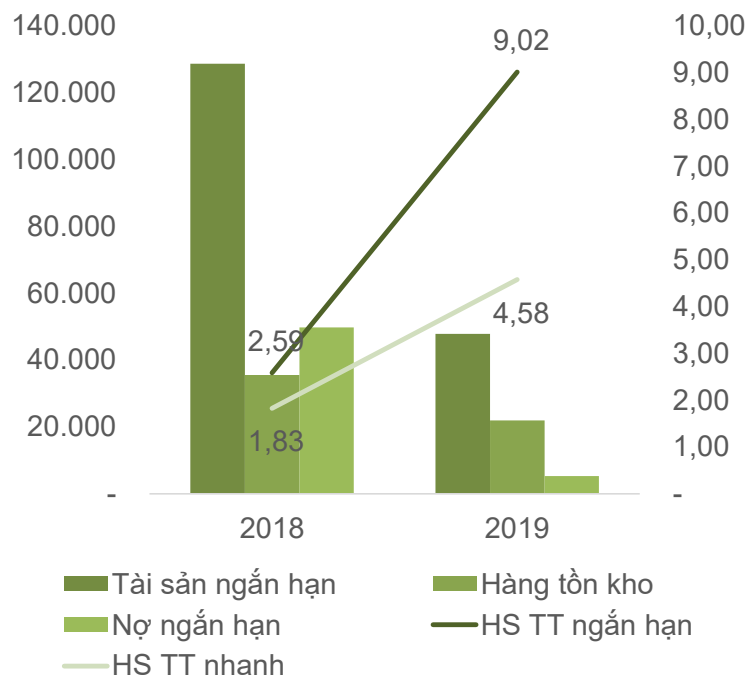
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	% tăng giảm
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	209.579	121.347	-42,1%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	173.826	95.846	-44,9%
3	Lợi nhuận HĐKD	Triệu đồng	29.448	(22.336)	-175,9%
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	819	(689)	-184,1%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	30.267	(23.025)	-176,1%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	27.341	(23.025)	-184,2%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,59	9,02
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,83	4,58
2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	23,76%	4,38%
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	31,17%	4,58%
3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,47	4,02
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,87	0,58
4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	15,73%	-24,02%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,27%	-16,70%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	13,68%	-13,92%
	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	16,94%	-23,30%

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các hệ số thanh toán của CTCP Chăn nuôi Phú Sơn những năm gần đây nhìn chung luôn ở mức cao so với các công ty cùng ngành và vẫn tăng trong năm vừa qua. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,59 lần lên 9,02 lần (tương đương +278,41%), hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,83 lần lên 4,58 lần (tương đương +150,27%). Năm 2019, do ảnh hưởng nghiêm trọng từ dịch bệnh AFS nên quy mô hoạt động của Công ty bị thu hẹp đáng kể: tài sản ngắn hạn giảm 80,89 tỷ (tương đương -62,8%), nợ ngắn hạn tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động giảm 44,49 tỷ (tương đương -89,3%). Ngoài ra, Công ty cũng chủ động thanh toán các khoản phải trả cho người lao động và cổ tức, lợi nhuận phải trả nên tốc độ giảm nợ phải trả cao hơn rõ rệt so với tốc độ giảm tài sản ngắn hạn. Đó cũng là nguyên nhân dù năm qua tình hình hoạt động không có nhiều khả quan nhưng Công ty vẫn có thể đảm bảo được khả năng thanh toán tốt.

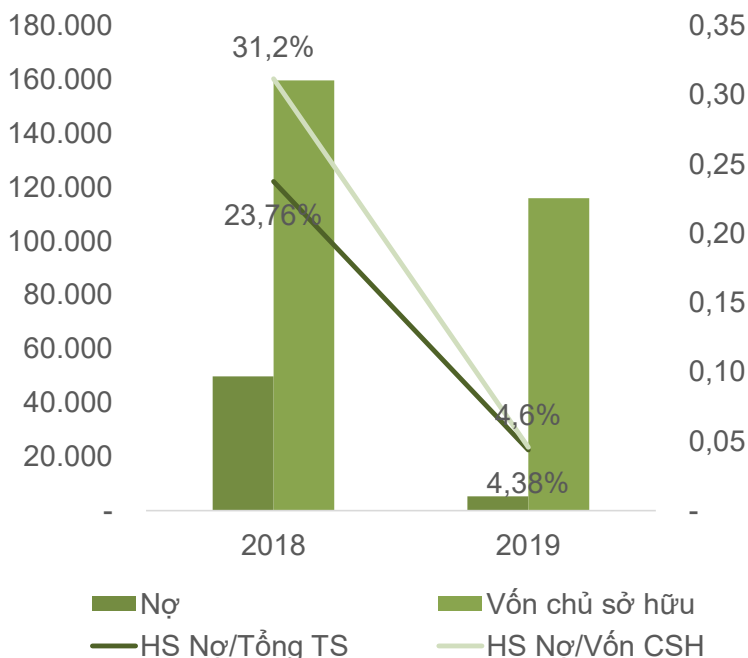
Các nhân tố tạo nên sự thay đổi trong hệ số thanh toán



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Khác với một số Công ty khác trong ngành, đặc trưng của Công ty là hoàn toàn không sử dụng nguồn tài trợ từ vốn vay và các khoản phải trả dài hạn nên cả tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản lẫn Nợ/Vốn CSH đều khá thấp. Nhìn chung năm 2019, nợ phải trả chỉ chiếm 4,38% trên tổng nguồn vốn, cho thấy phần lớn tài sản của Công ty được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu đo lường cơ cấu vốn trong năm qua đều giảm mạnh (tốc độ giảm hơn 80%) do tác động chủ yếu từ sự thu hẹp quy mô sản xuất khiến các khoản phải trả giảm.

Các nhân tố tạo nên sự thay đổi trong cơ cấu vốn



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

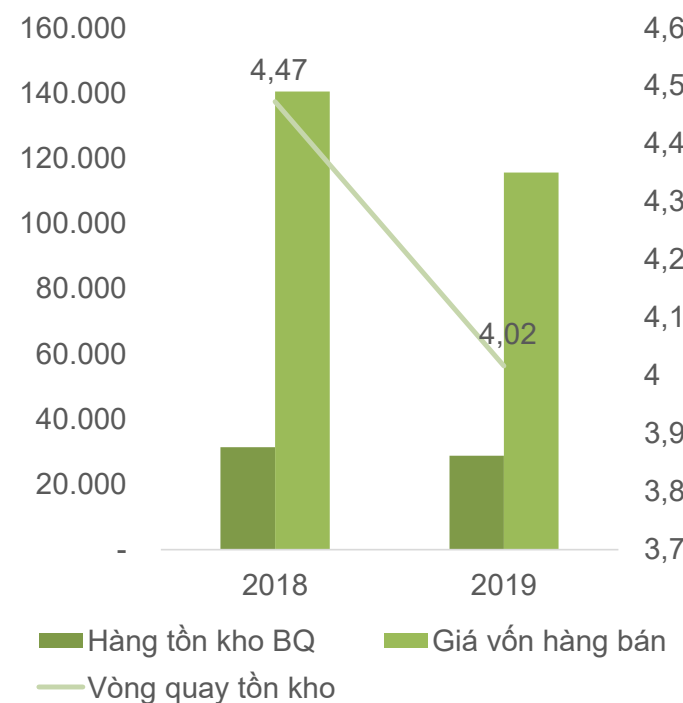
Cũng như các chỉ tiêu khác, chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty năm 2019 cũng giảm đáng kể do ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh. Trong đó, vòng quay hàng tồn kho giảm từ mức 4,47 vòng xuống 4,02 vòng chủ yếu là vì quy mô đàn heo bị sụt giảm đáng kể, Công ty không có đủ heo trưởng thành để cung ứng thịt cho thị trường trong khi đàn heo con thì vẫn chưa đủ điều kiện xuất chuồng. Vì vậy, sản phẩm thịt heo của Công ty năm vừa qua chậm luân chuyển dù nhu cầu tiêu thụ thịt heo trên thị trường cao. Đó là một trong những nguyên nhân chính khiến cho giá vốn hàng bán giảm 17,66% trong khi giá trị tồn kho trung bình chỉ giảm 8,33%.

dẫn đến doanh thu của CTCP Chăn nuôi Phú Sơn giảm tới 44,86% (tương đương 77,98 tỷ), cao hơn một chút so với mức giảm của tổng tài sản là 42,1% (tương đương 88,23 tỷ). Sự chênh lệch này cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản trong việc tạo ra doanh thu của Công ty giảm, cụ thể là từ 0,87 xuống 0,58 vòng.

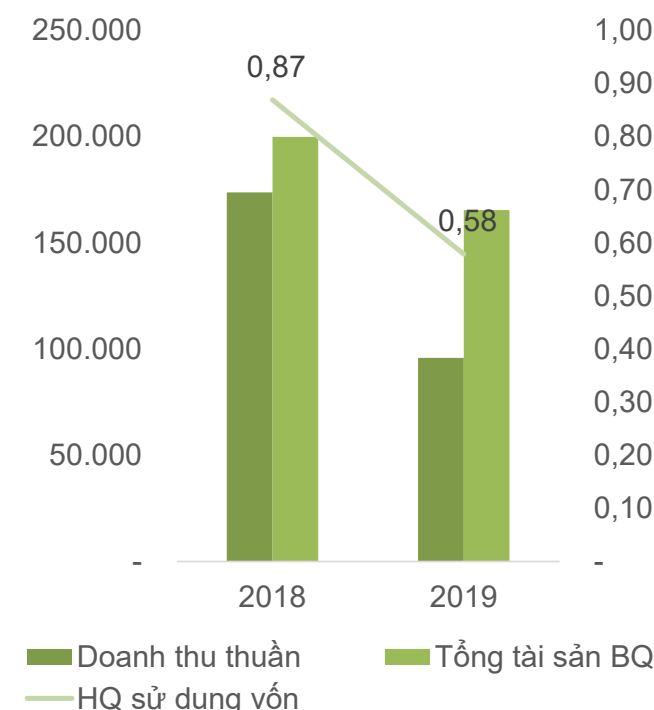
Tuy nhiên, trong những năm tiếp theo, khi các trại heo mới với điều kiện vệ sinh tốt và công nghệ chăn nuôi tiên tiến chính thức đi vào hoạt động, quy mô đàn heo của Công ty sẽ sớm tăng trở lại trong khi quy trình phòng chống dịch bệnh cũng được đảm bảo hơn. Nhờ đó, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng được khôi phục, giúp các chỉ tiêu về năng lực hoạt động được cải thiện.

Song song đó, hệ quả của dịch bệnh cũng

Các nhân tố tạo nên sự thay đổi trong số vòng quay tồn kho



Các nhân tố tạo nên sự thay đổi trong hiệu quả sử dụng vốn

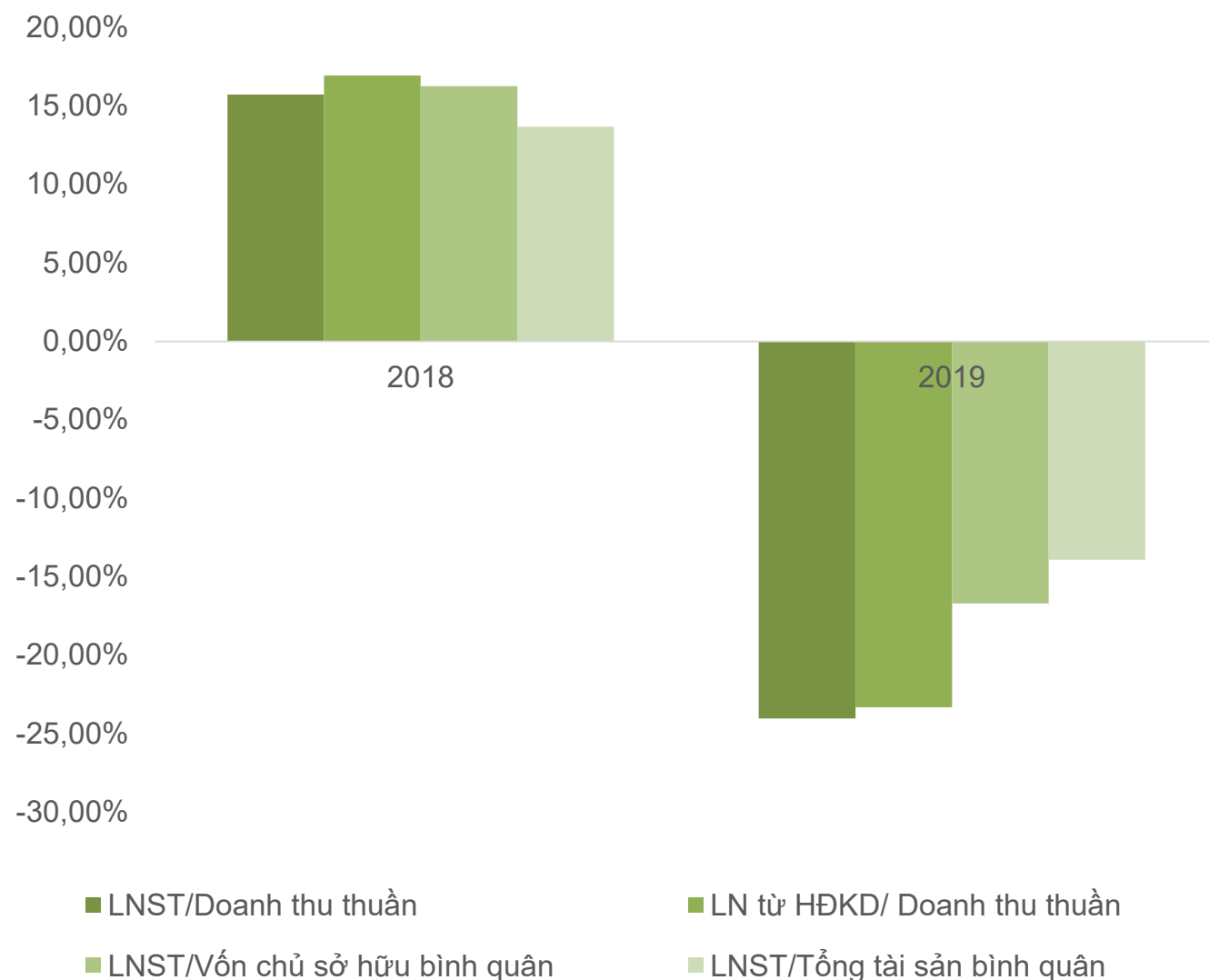


CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Biên lợi nhuận: Trong năm qua, vì các chi phí liên quan đến việc phòng, chữa bệnh và tiêu hủy đàn heo đều được ghi nhận vào giá vốn hàng bán, do đó đẩy mức chi phí giá vốn/doanh thu thuần từ 80,9% lên 120,8%. Đó cũng là nguyên nhân chính khiến các biên lợi nhuận của Công ty sụt giảm mạnh về mức âm: biên lợi nhuận sau thuế giảm từ 15,73% xuống còn -24,02% và biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm từ 16,94% về -23,30%.

Tỷ suất sinh lời: Cũng giống như biên lợi nhuận, các tỷ suất ROA và ROE của Công ty năm qua cũng giảm đáng kể. Vì phải gánh chịu khoản lỗ lớn nên suất sinh lời cho chủ sở hữu (ROE) giảm từ 16,27% xuống -16,70%, suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA) cũng giảm từ 13,68% xuống -13,92%.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP tại PSL (cá nhân, đại diện)	Ghi chú
1	Phùng Khôi Phục (đại diện)	Chủ tịch	43,56%	Từ 01/01 đến 25/4/2019
2	Đình Văn Hồng (đại diện)	Chủ tịch	43,56%	
3	Hà Văn Sơn (đại diện+cá nhân)	Phó Chủ tịch	16,85%	
4	Lê Phước Hùng (đại diện)	Thành viên	15,00%	Từ 01/01 đến 25/4/2019
5	Phan Phương Phúc Phú (đại diện)	Thành viên	15,00%	
6	Đỗ Văn Trong (cá nhân)	Thành viên	0,12%	
7	Nguyễn Văn Khâm (cá nhân)	Thành viên	2,61%	

Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ/Liên quan	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại PSL
1	Hà Văn Sơn	Giám đốc	1,85%
2	Đỗ Văn Trong	Phó Giám đốc	0,12%
3	Lê Thị Anh	Q. Kế toán trưởng	-

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ/Liên quan	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại PSL
1	Vương Thị Kim Được	Trưởng ban	0,13%
2	Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên	-
3	Nguyễn Diên Anh Khoa	Thành viên	-



SƠ YẾU LÝ LỊCH Ban Giám đốc

Hà Văn Sơn: Giám đốc

- Năm sinh: 1962
- Trình độ chuyên môn: Đại học Nông Lâm TP.HCM ngành Kinh tế nông nghiệp.
- Quá trình công tác:
 - 1986-1996: Phó phòng kế toán, phụ trách kế hoạch XN chăn nuôi heo Phú Sơn;
 - 1997 - 2000: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh XN chăn nuôi heo Phú Sơn;
 - 2000 - 2003: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh kiêm Trưởng trại Phú Sơn Xí nghiệp chăn nuôi heo Phú Sơn;
 - 2003 - 08/2008: Phó Giám Đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn;
 - 09/2008 - 2013: Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn;
 - 09/2013- 2015: Giám đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn;
 - 12/2015 – 4/2016: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn;
 - 04/2016 – 31/12/2019: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn;
 - Từ 01/01/2020: Xin nghỉ việc.

Đỗ Văn Trong: Phó giám đốc

- Năm sinh: 1968
- Trình độ chuyên môn: Bác sĩ thú y
- Quá trình công tác:
 - 1992 - 1995: Kỹ thuật viên trại heo Long Thành, XN chăn nuôi heo Phú Sơn;
 - 1996 - 2002: Trưởng bộ môn thú y, XN chăn nuôi heo Phú Sơn;
 - 2003 - 2015: Trưởng phòng kỹ thuật, CTCP chăn nuôi Phú Sơn;
 - 01/2016 - nay: Phó giám đốc Cty CP chăn nuôi Phú Sơn;

Lê Thị Anh: Q. Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1985
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 8/2008 – 12/2015: Công tác tại Phòng kế toán – Thống kê Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn.
 - Từ 01/2016 đến nay: Q. Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn



THAY ĐỔI NHÂN SỰ QUAN TRỌNG

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phùng Khôi Phục	Chủ tịch HĐQT	22/4/2016	25/4/2019
2	Đình Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT	25/4/2019	
3	Lê Phước Hùng	Thành viên HĐQT	25/4/2014	25/4/2019
4	Phan Phương Phúc Phú	Thành viên HĐQT	25/4/2019	



CƠ CẤU NHÂN SỰ

Tổng số lao động là 74 người (tính đến 31/12/2019), trong đó:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	74	100
1	Trên Đại học	0	0
2	Đại học	16	22%
3	Cao đẳng/Trung cấp	15	20%
4	Khác	43	58%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	74	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	20	27%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	54	73%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0%

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Mức lương BQ (Tr.Đồng/người/tháng)	9.130.000	10.000.000	8.300.000	9.333.000	7.398.000



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhân sự là một trong những nhân tố quan trọng đóng góp cho sự thành công của tổ chức. Vì vậy, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và việc làm của mọi cán bộ công nhân viên, đảm bảo họ luôn được hưởng các quyền lợi sau:

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách nhằm nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho CBCNV. Đồng thời, Công ty cũng đưa ra những đãi ngộ và mức khen thưởng thích hợp để khuyến khích tinh thần làm việc hết mình và cầu tiến của nhân viên.

Chính sách lương của Công ty luôn tuân theo đúng quy định về mức lương tối thiểu. Lương của CBCNV được chi trả phụ thuộc vào công việc đảm nhận, định mức lao động, chỉ tiêu kỹ thuật và kết quả tạo ra.

Công ty tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các chính sách hợp lý để mang lại thu nhập ổn định cho người lao động nhằm giúp họ đảm bảo đời sống, tạo tâm lý yên tâm, gắn bó lâu dài.

Người lao động được hưởng các chế độ BHXH và BHYT đầy đủ, đặc biệt là khi phải làm việc và tiếp xúc thường xuyên với những nguồn dịch bệnh, vi khuẩn, v.v...

Các buổi đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn được tổ chức thường xuyên, tạo môi trường tốt nhất để CBCNV có thể phát huy hết khả năng của mình.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Dự án xây dựng trại heo nái sinh sản quy mô 4.800 con (xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc)

Dự án được khởi công vào tháng 9/2016, hoàn tất giai đoạn I và đi vào hoạt động từ tháng 6/2018 với quy mô 2.400 nái và đã chuyển heo từ trại Phú Sơn vào nuôi. Trong đợt dịch tả heo Châu Phi vừa rồi, do điều kiện chuồng trại tốt, đảm bảo an toàn sinh học, nên trại heo Xuân Bắc vẫn an toàn, duy trì được khoảng 2.000 heo nái sinh sản. Đầu năm 2020 cho đến nay, Công ty thu được lợi nhuận từ việc bán heo con giống sau cai sữa (bình quân 7 - 8kg/con, bán ra thị trường 500 – 700 con/ tuần).



Dự án xây dựng trại heo cai sữa, heo thịt (xã Xuân Phú – Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc)

Hiện nay, dự án có quy mô 26.000 con này đã có giấy giới thiệu địa điểm do UBND tỉnh cấp và đang tiến hành hợp thức và chuyển mục đích sử dụng đất. Tuy nhiên, tiến trình này vẫn còn đang bị trì hoãn do có một số vướng mắc về thủ tục đất đai. Các thủ tục cần thiết theo quy định để tiếp tục dự án vẫn đang được chuẩn bị và triển khai.

Dự án khu dân cư theo quy hoạch tại (xã Long An, huyện Long Thành)

Dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương cho CTCP Chăn nuôi Phú Sơn lập thủ tục đầu tư với các nội dung:

- Mục tiêu đầu tư: Khu dân cư theo quy hoạch
- Vị trí, địa điểm: Tại xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với diện tích khoảng 68.646 m², vị trí theo sơ đồ thỏa thuận địa điểm số 4941/2016, tỷ lệ 1/2000 do UBND huyện Long Thành ký xác lập ngày 13/7/2016, không bao gồm diện tích quy hoạch mở đường và quy hoạch phát triển hạ tầng.

Do vướng mắc về thủ tục, dự án đến nay vẫn chưa triển khai



được (quá 3 năm), cuối năm 2019 đã có quyết định loại khỏi quy hoạch sử dụng đất huyện Long Thành năm 2020. HĐQT sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để tiếp tục thực hiện Dự án trong thời gian tới.

Trạm kinh doanh xăng dầu

Dự án này đến nay vẫn chưa thực hiện được do chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại Công ty cũng đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục cần thiết trong thời gian tới.

Trại heo Phước Tân (xã Phước Tân, TP. Biên Hoà)

Trước đây, do trại Phước Tân không được phép chăn nuôi nên đã được ĐHCĐ đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất để lấy vốn xây dựng trại chăn nuôi mới. Tháng 12/2019, Công ty đã tiến hành thẩm định giá khu đất này. Tuy nhiên do bảng giá đất năm 2020 – 2024 của địa phương ban hành đã thay đổi, Công ty sẽ thẩm định lại giá đất khu đất này và thực hiện các thủ tục bán đấu giá chuyển nhượng trong thời gian tới.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2019, CTCP Chăn nuôi Phú Sơn đã tăng vốn điều lệ từ 67.500.000.000 (VNĐ) lên 118.125.000.000 (VNĐ) thông qua hình thức phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 4:3. Vì vậy tổng số lượng cổ phần đang lưu hành tăng từ 6.750.000 lên 11.812.500 cổ phần.

Tính tới thời điểm 31/12/2019, số lượng cổ phần của CTCP Chăn nuôi Phú Sơn như sau:

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số cổ phần đang lưu hành	11.812.500
2	Số cổ phần chuyển nhượng tự do	11.812.500
3	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	-



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	8.688.981	86.889.810.000	73,56%
II	Cổ đông nội bộ			
II	Cổ đông trong nước	11.778.724	117.787.240.000	99,71%
1	Cá nhân	2.953.929	29.539.290.000	25,01%
2	Tổ chức	8.824.795	88.247.950.000	74,71%
III	Cổ đông nước ngoài	33.776	337.760.000	0,29%
1	Cá nhân	33.776	337.760.000	0,29%
2	Tổ chức	-	-	0,00%
Tổng cộng		11.812.500	118.125.000.000	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cá nhân/ Tổ chức (Người đại diện)	Phân loại cổ đông		Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ
		Cổ đông nhà nước	Cổ đông lớn				
1	Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	x	x	3600253505	23/8/2018	8.688.981	73,56%

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN TỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Nguồn nguyên liệu đầu vào của ngành chăn nuôi chủ yếu là thức ăn cho gia súc/ gia cầm, và đây là một trong những nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm đầu ra của các công ty trong ngành nói chung và Chăn nuôi Phú Sơn nói riêng. Vì vậy, chúng tôi đã lập riêng một bộ phận quản lý chịu trách nhiệm về nguồn thức ăn và thường xuyên nghiên cứu thị trường để tìm được các đại lý cung cấp nguyên liệu với giá tốt mà vẫn đảm bảo được đủ các tiêu chuẩn an toàn của ngành. Ngoài ra, Công ty cũng có khả năng tự chế biến thức ăn chăn nuôi bằng hệ thống xay trộn điều khiển bằng máy tính, đáp ứng được nhu cầu chăn nuôi và vệ sinh thực phẩm, đảm bảo được thịt heo cung ứng ra thị trường đạt tiêu chuẩn, an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty luôn cần sử dụng một lượng điện năng đáng kể để vận hành một số hệ thống đặc thù như hệ thống tự chế biến thức ăn và công nghệ giám sát sinh hoạt của

đàn heo. Đồng thời, để đảm bảo chất thải trong sản xuất và chăn nuôi được kiểm soát theo đúng tiêu chuẩn, không gây hại tới môi trường, chúng tôi cũng vận hành thêm hệ thống xử lý nước thải, làm tiêu thụ một lượng lớn năng lượng. Tuy nhiên, Công ty cũng chủ trương theo dõi và nhắc nhở các CBCNV sử dụng năng lượng tiết kiệm, hạn chế các hoạt động dùng điện năng không cần thiết để góp phần bảo vệ môi trường.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nhu cầu tiêu thụ nước tại Công ty để vận hành hệ thống phun sương và thường xuyên vệ sinh chuồng trại là rất lớn. Để hạn chế lãng phí, công ty luôn cố gắng nâng cao nhận thức trong CBCNV về việc sử dụng nguồn nước tiết kiệm và hợp lý, đồng thời áp dụng các công nghệ và thiết bị hiện đại như hệ thống phun sương hẹn giờ tự động để nguồn nước được sử dụng hiệu quả hơn, giảm thiểu tình trạng lãng phí nước không cần thiết.

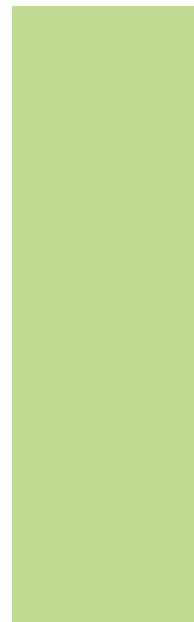
TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Vì hoạt động ở lĩnh vực chăn nuôi nên Công ty bắt buộc phải tuân thủ và thực thi các quy định bảo vệ môi trường.

Công ty đã xử lý giảm mùi hôi từ chất thải phân heo và giảm ô nhiễm không khí cho môi trường bằng cách trộn chế phẩm Nutrafito Plus vào thức ăn chăn nuôi. Ngoài ra, chúng tôi còn vận hành hệ thống hầm bioga để xử lý nước thải. Nước thải từ chăn nuôi sau khi đã được xử lý trong hệ thống tiếp tục được xử lý bằng hóa chất trước khi thải ra môi trường. Đối với quản lý chất thải nguy hại, Công ty đã xây dựng một khu riêng biệt để lưu giữ đúng cách, đồng thời phân loại và dán má, treo biển báo để nhận biết chất thải nguy hại. Bên cạnh đó, chúng tôi còn ký hợp đồng xử lý chất thải và chất rắn sinh hoạt với các công ty chuyên xử lý chất thải, lập báo cáo định kỳ và cập nhật liên tục các tình hình phát sinh để quản lý chất thải hiệu quả.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2019, để tạo môi trường làm việc năng động, Công ty đã phát động phong trào thi đua năng suất – chất lượng – hiệu quả trong toàn thể CBCNV. Ngoài ra, phía Công ty còn tuân thủ quy định về trả lương, chế độ thăm hỏi khi ốm đau, hiếu hỉ, v.v... nhằm đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người lao động trong Công ty.



3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- Tình hình quản trị tài sản nguồn vốn
- Phương hướng nhiệm vụ 2020

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong quá trình hoạt động năm 2019, CTCP Chăn nuôi Phú Sơn đã gặp một số thuận lợi và khó khăn như sau:

THUẬN LỢI

- Sản phẩm đã có thương hiệu và uy tín trên thị trường nên việc tiêu thụ đầu ra của Công ty không gặp nhiều khó khăn.
- Công ty nhận được sự quan tâm, giúp đỡ từ công ty mẹ là Tổng Công ty Công nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai, UBND tỉnh và các ban ngành liên quan.
- Dự án trại heo Xuân Bắc và trại heo Xuân Phú hứa hẹn sẽ góp phần đưa quy mô đàn heo của Công ty tăng trở lại sớm sau dịch bệnh. Thêm vào đó, điều kiện cơ sở vật chất mới và tốt hơn cũng sẽ tạo thuận lợi trong việc phòng bệnh và chăm sóc cho đàn heo.



KHÓ KHĂN

- Năm 2019 là một năm khó khăn với CTCP Chăn nuôi Phú Sơn khi phải đối mặt với dịch bệnh AFS khắc nghiệt. Dịch bệnh không chỉ buộc Công ty tốn nhiều chi phí trong việc tiêu hủy những con heo đã bị nhiễm mà còn phải tăng chi phí thú y để ngừa bệnh cho đàn heo còn lại.
- Lượng heo đủ tiêu chuẩn xuất chuồng của Công ty cũng không còn nhiều để kịp đáp ứng nhu cầu của thị trường, nên dù giá bán thịt lợn hơi thời gian vừa qua có tăng mạnh nhưng vẫn không thể bù đắp được những tổn hại từ dịch bệnh.
- Hiện nay, Công ty vẫn đang tiến hành xây dựng thêm chuồng trại giai đoạn tiếp theo tại Xuân Bắc huyện Xuân Lộc. Trại heo Phú Sơn do đã bị nhiễm bệnh dịch tả lợn Châu Phi nên phải dừng chăn nuôi tại đây, quy mô chăn nuôi của Công ty bị thu hẹp.
- Phía Công ty đang cố gắng nâng cấp hệ thống xử lý nước thải hiện đại hơn để thực hiện tốt công tác đảm bảo vệ sinh đàn heo, phòng ngừa bệnh dịch và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, việc này cũng sẽ khiến chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm tăng lên trong khi thị trường tiêu thụ heo trong tương lai vẫn chưa có nhiều tín hiệu khả quan, làm biên lợi nhuận của công ty giảm xuống.
- Vì Trại Phước Tân và Trại Long Thành đều dừng hoạt động kể từ năm 2018 để di chuyển địa điểm chăn nuôi sang trại Xuân Bắc và trại Thiện Tân (trại thuê) nên quy mô đàn heo của Công ty giảm đáng kể, cộng với ảnh hưởng của dịch bệnh nên thương hiệu của Chăn nuôi Phú Sơn trên thị trường cũng bị ảnh hưởng.



Dịch bệnh luôn là một trong những mối lo ngại lớn nhất của Phú Sơn, vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến đàn heo và hoạt động kinh doanh của công ty trên nhiều phương diện



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	TH 2019/TH 2018
Tổng doanh thu bán hàng	Tr. Đồng	173.826	95.846	-44,86%
Giá vốn hàng bán	Tr. Đồng	140.569	115.739	-17,66%
Lợi nhuận tài chính	Tr. Đồng	5.215	2.837	-45,60%
Lợi nhuận khác	Tr. Đồng	819	(689)	-184,09%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	30.267	(23.025)	-176,07%



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ, KỸ THUẬT

VỀ CON NGƯỜI

Trong năm qua, tình hình nhân sự tại CTCP Chăn nuôi Phú Sơn đã có nhiều sự thay đổi. Bên cạnh những người lao động cũ tại Long Thành và Phước Tân xin nghỉ việc do chuồng trại Xuân Bắc mới xây xa nhà ở, đi lại bất tiện, còn có một số khác nghỉ do tâm lý bất ổn khi tình hình khó lường của dịch bệnh kh-iến ngành chăn nuôi trong năm qua gặp khó khăn. Bên cạnh đó, nhân viên mới vào tại trại Xuân Bắc vẫn cần thời gian để làm quen với công việc và các đồng nghiệp mới. Nhìn chung, tinh thần làm việc của người lao động trong nửa cuối năm qua có bị ảnh hưởng, tác động của bệnh dịch tả lợn Châu Phi.

VỀ CHUỒNG TRẠI

Công ty đã di dời được phần lớn đàn heo bố mẹ từ trại Phú Sơn sang trại mới xây ở Xuân Bắc và thuê trại Thiện Tân để nuôi heo thịt, vị trí cách xa khu dân cư để đảm bảo vấn đề về sinh môi trường cho người dân xung quanh. Trong năm 2019, CTCP Phú Sơn điều hành tổng cộng 3 trại chăn nuôi: trại Xuân Bắc, trại Phú Sơn và trại Thiện Tân. Trong tương lai, Trại heo Phú Sơn bị dịch bệnh và đất không còn phù hợp quy hoạch chăn nuôi, Công ty sẽ có phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Điều kiện ở chuồng trại mới tương đối hiện đại, thuận lợi cho việc chăn nuôi và phòng bệnh cho đàn heo nếu có dịch bệnh xảy ra.



CÁC MẶT KHÁC

- Công tác an ninh trật tự trong đơn vị được thực hiện tương tốt, trong năm không để xảy ra mất mát.
- Công tác ATLĐ và PCCN được thực hiện tốt.
- Công tác bảo vệ môi trường luôn được đơn vị thực hiện nghiêm chỉnh, trong năm không để xảy ra sự cố nào về môi trường.
- Công tác xã hội địa phương luôn được Công ty luôn chú trọng. Công ty đã đóng góp nhân lực, vật lực để ủng hộ cho những hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn hoạt động khi được chính quyền địa phương kêu gọi.



TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ TÀI SẢN NGUỒN VỐN

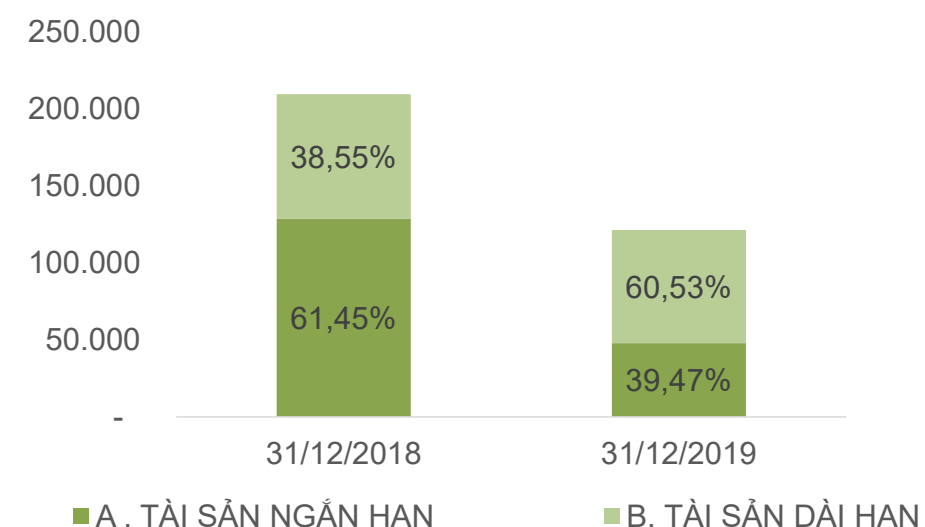
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	128.790	47.897
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.942	24.354
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.232	622
Hàng tồn kho	35.615	22.003
Tài sản ngắn hạn khác	-	919
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	80.790	73.449
Các khoản phải thu dài hạn	-	-
Tài sản cố định	64.121	58.016
Tài sản dở dang dài hạn	407	311
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Tài sản dài hạn khác	16.262	15.122
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	209.579	121.347

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 nhìn chung giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái (-42,8% tương đương 88,23 tỷ). Nguyên nhân chính do là tài sản lưu động giảm, đến từ sự giảm dần đáng kể so với trước dịch bệnh. Trong khi đó, tài sản dài hạn vẫn không có nhiều biến động, dẫn tới sự chuyển dịch rõ rệt trong cơ cấu tài sản của Công ty (thay đổi gần 22%).

Quy mô và cơ cấu tài sản của Công ty trong 2 năm gần nhất



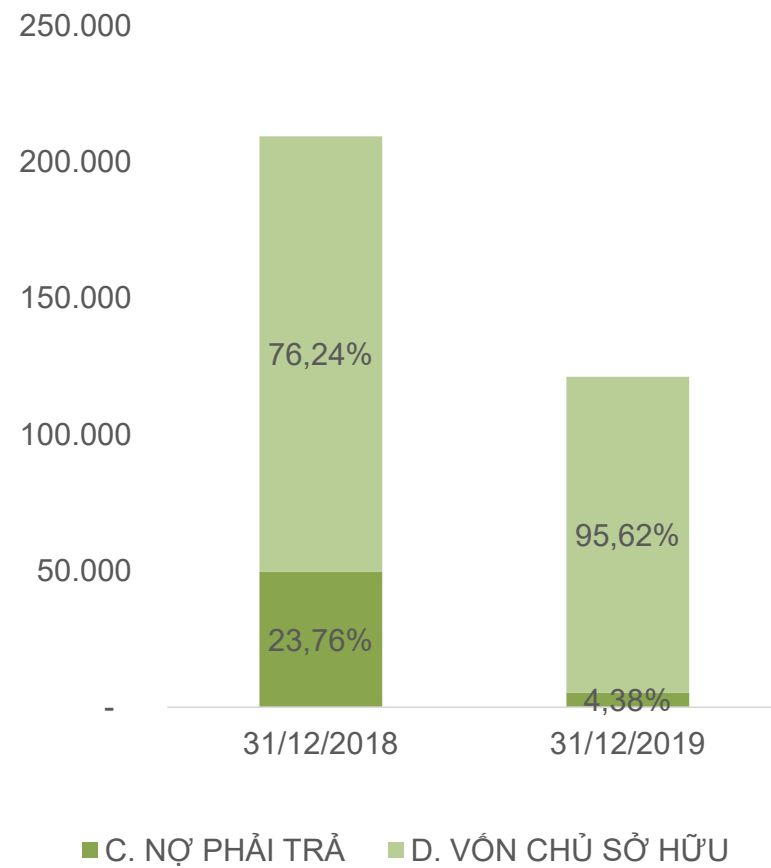
TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	49.805	5.312
Nợ ngắn hạn	49.805	5.312
Phải trả người bán ngắn hạn	7.662	2.316
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	50
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.331	224
Phải trả người lao động	5.058	-
Phải trả ngắn hạn khác	33.775	35
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.980	2.687
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	159.774	116.035
Vốn chủ sở hữu	159.774	116.035
Vốn góp của chủ sở hữu	67.500	118.125
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	67.500	118.125
Vốn khác của CSH	6.750	6.750
Quỹ đầu tư phát triển	48.283	12.235
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	37.241	(21.076)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	9.900	1.950
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	27.341	(23.025)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	209.579	121.347

Song song với việc quy mô hoạt động sản xuất giảm, các khoản nợ phải trả ngắn hạn được dùng để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động của Công ty cũng giảm 89,34% (tương đương 44,49 tỷ). Trong đó các khoản phải trả ngắn hạn khác (chủ yếu là cổ tức, lợi nhuận phải trả) là giảm mạnh nhất (-99,9%, tương đương - 33,74 tỷ), số còn lại chủ yếu đến từ các khoản phải trả người bán và phải thu khách hàng giảm. Đối với vốn chủ sở hữu, trong năm Công ty đã tiến hành tăng vốn góp của chủ sở hữu từ 67,5 tỷ lên 118,125 tỷ, mục đích là để tài trợ cho 1 phần vốn lưu động ròng (do công ty không sử dụng vốn vay) mà còn lại để phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng chuồng trại mới. Tuy nhiên, tình hình hoạt động kinh doanh kém khả quan trong năm đã góp phần làm vốn chủ sở hữu giảm tới 27,38% (tương đương 43,74 tỷ) Những biến động nêu trên đã khiến quy mô tổng nguồn vốn của CTCP Chăn nuôi Phú Sơn năm vừa qua thay đổi đáng kể. Trong đó, tỷ trọng nợ giảm 19,39% trong khi tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu tăng tương ứng.

Quy mô và cơ cấu nguồn vốn của Công ty trong 2 năm gần nhất



PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2020

Năm 2019 vừa qua, phía Công ty đã chịu nhiều tổn thất từ dịch AFS. Đến thời điểm hiện tại, tuy Công ty và địa phương cả nước đã kiểm soát tương đối được sự lây lan của dịch bệnh; do dịch bệnh này vẫn chưa có vắc-xin ngừa, thuốc điều trị nên đây vẫn còn là một mối lo ngại lớn đối với CTCP Chăn nuôi Phú Sơn nói riêng và các công ty khác cùng ngành nói chung. Để hỗ trợ các doanh nghiệp trước bối cảnh nền kinh tế đang có nguy cơ chậm lại do tình hình dịch bệnh trong nước bất ổn và tình hình chính trị thế giới còn xung đột, Ngân hàng Nhà Nước hạ lãi suất cho vay đối với một số ngành nghề, trong đó có ngành nông nghiệp, chăn nuôi để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Theo quyết định số 2416/QĐ-NHNN ngày 18/11/2019, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa tại các ngân hàng đối với nhu cầu vốn phục vụ nông nghiệp, nông thôn giảm từ 6,5%/năm xuống 6,0%/năm; lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa tại các Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô đối với cùng nhu cầu vốn giảm từ 7,5%/năm xuống 7,0%/năm. Tận dụng cơ hội này, Công ty có thể huy động được nguồn vốn vay với chi phí rẻ để khôi phục hoạt động chăn nuôi trong tương lai cũng như đầu tư nâng cấp cơ sở chuồng trại đảm bảo an toàn sinh học để phòng ngừa nguy cơ dịch bệnh.

Ngoài ra, nhờ vào cơ hội mở ra từ hiệp định

EVFTA và EVIPA, thịt và các chế phẩm từ thịt nhập khẩu từ EU sẽ được hưởng ưu đãi thuế suất 0% trong vòng 7 năm sau khi hiệp định có hiệu lực. Sự kiện này khiến cho cạnh tranh tiêu thụ thịt heo ở thị trường nội địa trong tương lai trở nên gay gắt hơn. Vì vậy, các doanh nghiệp chăn nuôi heo quy mô lớn trong nước (Hòa Phát, Masan, Hùng Vương...) hiện đang tích cực mở rộng quy mô kinh doanh và nâng cao công nghệ để chuẩn bị cho thách thức sắp tới cũng như đón đầu cơ hội xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Châu Âu với thuế suất ưu đãi. Đối với CTCP Chăn nuôi Phú Sơn nói riêng, để tránh đối mặt với việc mất đi lợi thế cạnh tranh ở thị trường trong nước so với các sản phẩm nước ngoài, Công ty không chỉ phải củng cố quy mô, chu trình sản xuất sao cho đảm bảo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế mà còn phải không ngừng cải tiến chất lượng con giống mới để theo kịp yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường.



CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	% Thay đổi
Sản lượng sản xuất				
- Heo giống	Tấn	342	175	51,2
- Heo thịt	Tấn	1.803	1.000	55,5
- Tinh Heo	1000 liều	11		
Doanh thu bán hàng	Triệu đồng	95.846	72.000	75,1
Nộp ngân sách	Triệu đồng	1.324	324	24,5

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

VỀ TIẾN HÀNH VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

- Tại trại Xuân Bắc, vì dự án vẫn chưa chính thức hoàn thành (mới hoàn thành giai đoạn 1, quy mô 2.400 heo nái), chưa có chuồng để chuyển heo con cai sữa và heo thịt nên Công ty định hước có thể có thể giữ nguyên dự án như cũ (quy mô 4.800 heo nái) và xây trại mới tại Xuân Phú, Xuân Lộc để nuôi heo cai sữa và heo thịt, hoặc chuyển dự án 4.800 nái sinh sản thành dự án 2.400 nái sinh sản và 16.000 heo cai sữa, heo thịt. Đồng thời, Công ty tiếp tục thuê trại (trại Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu) để nuôi heo thịt (chuyển heo con cai sữa từ Trại Xuân Bắc về nuôi)
- Trong tương lai, khi dự án trại heo cai sữa tại trại Xuân Phú hoàn thành và được đưa vào hoạt động, quy mô đàn heo của Công ty được ước tính sẽ tăng lên thêm khoảng 26.000 con.

VỀ GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

- Về công tác giống: tăng cường chọn lọc đàn heo nái, heo đực để nâng cao năng suất chăn nuôi và chất lượng sản phẩm. Trước diễn biến khó lường của dịch bệnh và thị trường tiêu thụ, trước mắt Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các giải pháp để đạt mục tiêu duy trì quy mô đàn nái thương phẩm tại Trại heo Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc là 2.400 con.
- Công tác thú y: Tăng cường vệ sinh sát trùng chuồng trại, tiêm phòng vaccine đầy đủ cho đàn heo nái, heo con theo mẹ, heo thịt. Khảo sát thêm các loại vaccine để sử dụng có hiệu quả nhất.

CÁC GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ

- Quản lý chặt chẽ chi phí, tìm mua nguồn nguyên liệu chất lượng với giá cả hợp lý;
- Nâng cao tinh thần, phát huy sáng tạo, thực hành tiết kiệm và phòng chống tham nhũng trong tập thể CBCNV Công ty;
- Tăng cường công tác thăm dò nghiên cứu thị trường để đưa ra giá bán cạnh tranh và hợp lý, thúc đẩy tiêu thụ đầu ra của sản phẩm.

VỀ ĐẦU TƯ

- Đối với dự án trại heo nái tại Xã Xuân Bắc, trong thời gian tới, cùng với triển khai xây dựng giai đoạn 2, Công ty sẽ hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tại trại. Ngoài ra, Công ty còn dự kiến đầu tư xây dựng thêm 1 chuồng nuôi heo đực và 1 trại nuôi heo nái hậu bị cách ly giai đoạn đầu khi mới nhập về để phục vụ công tác làm giống và gia tăng đàn heo nái.
- Tiếp tục thực hiện các thủ tục cần thiết để hợp thửa đất và đầu tư xây dựng trại heo cai sữa và heo thịt, heo hậu bị quy mô 26.000 con (Trong đó: Heo cai sữa 12.000 con, heo hậu bị 4.000 con, heo thịt 10.000 con) tại xã Xuân Phú và xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai;
- Tìm kiếm các đối tác có năng lực, uy tín để hợp tác tiếp tục thực hiện Dự án khu dân cư theo quy hoạch tại xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và nghiên cứu triển khai Dự án phù hợp quy hoạch đất tại Trại Phú Sơn.
- Tiếp tục các thủ tục nhượng bán quyền sử dụng đất và tài sản trên khu đất nông nghiệp tại phường Phước Tân, Tp. Biên Hoà (Trại Phước Tân).



4

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc
- Kế hoạch, định hướng của HĐQT

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

Năm 2019 là một năm đầy khó khăn và thách thức với CTCP Chăn Nuôi Phú Sơn khi phải gồng mình chống đỡ nạn dịch AFS hoành hành. Mặc dù Công ty đã hết sức cố gắng trong việc phòng chống nhưng dịch bệnh vẫn xảy ra trên đàn heo của Trại Phú Sơn, theo quy định buộc phải tiêu hủy heo bị bệnh và kết quả là sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua bị lỗ.

Với sự nỗ lực trong điều hành sản xuất của Ban Giám đốc, Công ty đã giữ an toàn cho đàn heo nái sinh sản tại Trại Xuân Bắc và đàn heo thịt tại trại Thiện Tân (Trại thuê). Trại Xuân Bắc đã xuất bán được heo con cai sữa từ tháng 11/2019, Trại Thiện Tân xuất bán heo thịt từ tháng 01/2020, ước tính sẽ có lãi khá trong quý I/2020.

VỀ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Các dự án trại heo mới của Công ty vẫn đang được tiến hành. Nhờ vào đợt tăng vốn góp của chủ sở hữu trong năm nên Công ty vẫn có đủ nguồn vốn để thực hiện các dự án này.

VỀ TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Việc di dời các cơ sở hoạt động cũng trực tiếp gây ra sự biến động về nguồn nhân lực của Công ty năm qua. Cụ thể là do địa điểm chuồng trại mới cách xa khu dân cư, xa nơi ở hiện tại của người lao động, hơn nữa để bảo đảm an toàn sinh học, người lao động phải ở lại trong trại 1 tháng mới được về nhà 1 lần nên một số lao động đã chủ động xin nghỉ việc. Bên cạnh đó, tình hình dịch bệnh bất ổn cũng gây ra tâm lý hoang mang cho người lao động, khiến tinh thần làm việc bị ảnh hưởng đáng kể.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BGD

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Giám đốc Công ty trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT.
- Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Giám đốc điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Do ảnh hưởng của dịch tả heo Châu Phi, hoạt động sản xuất chăn nuôi heo của Công ty gặp nhiều khó khăn, Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực khắc phục, năng động, linh hoạt, điều chỉnh kịp thời và có nhiều biện pháp, giải pháp phù hợp trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời tháo gỡ khó khăn về lao động, về quy mô đàn heo, ... để giảm lỗ đến mức thấp nhất và khi thị trường ổn định, Công ty vẫn có sản phẩm tiêu thụ vào cuối năm 2019 và quý I/2020.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	KH 2020/ TH 2019
Sản lượng sản xuất				
- Heo giống	Tấn	342	175	51,2%
- Heo thịt	Tấn	1.803	1.000	55,5%
- Tinh Heo	1000 liều	11		
Tổng doanh thu bán hàng	Triệu đồng	95.846	72.000	75,1%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(23.025)	10.000	-
Nộp ngân sách	Triệu đồng	1.324	324	24,5%

BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

- Đặt công tác phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe cho đàn heo lên hàng đầu, thường xuyên vệ sinh chuồng trại và đảm bảo lịch tiêm vắc xin định kỳ được thực hiện đầy đủ;
- Trong công tác chọn lọc và lai tạo, cần tăng cường nghiên cứu thêm những giống heo tốt, năng suất cao nhằm gia tăng hiệu quả kinh tế;
- Bổ sung đàn heo nái hậu bị cho Trại heo Xuân Bắc để đạt mức quy mô chăn nuôi giai đoạn 1 là 2.400 nái. Tiến hành các thủ tục theo quy định xây dựng giai đoạn 2 của Dự án quy mô nuôi 2.400 con heo nái.
- Tăng cường khảo sát các thị trường đầu ra nhằm chuẩn bị tốt cho công tác mở rộng quy mô hoạt động trong tương lai, khi các trại mới đã đi vào hoạt động ổn định;
- Về nhân sự, chú trọng đào tạo lớp nhân viên mới, đồng thời cải thiện các chính sách phúc lợi để gia tăng sự gắn bó giữa người lao động và Công ty, từ đó giúp người lao động nâng cao tinh thần và hiệu quả làm việc.





5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ
- Thù lao và các khoản lợi ích

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) được tóm tắt theo bảng sau:

STT	Số Nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	53/NQ-ĐHĐCĐ	25/04/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2018; Thông qua kế hoạch SXKD năm 2019; Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị; Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018; Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát; Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2018; Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu; Thông qua mức tiền phụ cấp, thù lao, chi phí hoạt động cho HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký tại Công ty trong năm 2018; Thông qua việc chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2019; Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT và bầu chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2016 – 2020;
2	64/NQ-ĐH (BT)	26/12/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT, Thông qua việc bổ sung nội dung Điều 3, Điều 22 - Điều lệ của Công ty, Thông qua việc Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ, quy định nghĩa vụ và trách nhiệm cụ thể của từng người đại diện theo pháp luật, Đại hội ủy quyền cho HĐQT tiếp tục thực hiện các vấn đề sau: <ul style="list-style-type: none"> » Điều chỉnh Dự án Xây dựng Trang trại chăn nuôi heo tại xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, » Thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, » Điều chỉnh, bổ sung Giấy đăng ký doanh nghiệp của Công ty. » Thông qua v/v cho ông Hà Văn Sơn thôi nhiệm vụ thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty từ 01/01/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành 12 cuộc họp, Cụ thể:

- 01/01/2019 – 25/04/2019: Hội đồng quản trị tổ chức 2 cuộc họp
- 25/04/2019 – 31/12/2019: Hội đồng quản trị tổ chức 10 cuộc họp

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Phùng Khôi Phục	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2019 (Lý do: nghỉ hưu)	2/2	100%
2	Ông Hà Văn Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 14/07/2005	12/12	100%
3	Ông Lê Phước Hùng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm từ 25/04/2019 (Lý do: chuyển công việc khác)	2/2	100%
4	Ông Đỗ Văn Trong	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 22/04/2016	12/12	100%
5	Ông Nguyễn Văn Khâm	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2011	12/12	100%
6	Ông Đinh Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 25/04/2019	10/10	100%
7	Bà Phan Phương Phúc Phú	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 25/04/2019	10/10	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	51/NQ-HĐQT	15/03/2019	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua thời gian, địa điểm, nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019. • Thông qua số liệu Quyết toán tiền lương năm 2018, phương án tiền lương năm 2019.
2	52/NQ-HĐQT	12/04/2019	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2018 • Thông qua phương án chi cổ tức năm 2018 • Tình hình thực hiện các dự án • Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 • Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
3	54/NQ-HĐQT	16/05/2019	<ul style="list-style-type: none"> • Kết quả SXKD quý I/2019, • Thông qua việc xây dựng thêm 01 chuồng nuôi heo đực và hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tại Trại Xuân Bắc. • Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng trại heo cai sữa và heo thịt tại xã Xuân Phú, Xuân Thọ • Xin gia hạn hoạt động tạm thời tại Trại heo Phú Sơn trong thời gian thực hiện các thủ tục xây dựng Trại heo tại Xuân Phú – Xuân Thọ, dự kiến đến năm 2020 • Tiếp tục triển khai các thủ tục thực hiện dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Long An, huyện Long Thành • Tiếp tục thẩm định lại giá trị khu đất và tài sản trên đất tại trại Phước Tân, Tp. Biên Hòa để thực hiện bán đấu giá, thu hồi vốn bổ sung cho nguồn vốn đầu tư xây dựng Trại heo mới. • Thực hiện trả cổ tức 2018 và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. • Phương hướng quý II/2019: <ul style="list-style-type: none"> » Tăng cường các biện pháp phòng chống dịch để hạn chế tối đa nguồn lây lan dịch bệnh. » Phấn đấu sản lượng tiêu thụ heo thịt, heo giống quý II/2019 bằng quý I/2019 và không bị lỗ trong quý II/2019

4	55/NQ-HĐQT	11/06/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Phương án chi tiết nguồn thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
5	56/NQ-HĐQT	12/06/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua nội dung hồ sơ phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
6	57/NQ-HĐQT	25/06/2019	<ul style="list-style-type: none"> Về tình hình bệnh DTHCP tại Trại heo Phú Sơn và triển khai biện pháp phòng bệnh ở Trại heo Xuân Bắc Xây trại ở Xuân Phú
7	58/NQ-HĐQT	03/07/2019	<ul style="list-style-type: none"> Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
8	59/NQ-HĐQT	19/07/2019	<ul style="list-style-type: none"> Chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành do tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
9	60/NQ-HĐQT	07/2019	<ul style="list-style-type: none"> Tình hình hoạt động tại Trại heo Phú Sơn và Trại heo Xuân Bắc Tình hình tài chính Về nhân sự lãnh đạo, điều hành Công ty Các biện pháp sản xuất kinh doanh Phương hướng quý III/2019
10	61/NQ-HĐQT	31/07/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thống nhất tổ chức ĐHĐCĐ bất thường Tình hình SXKD tại các trại heo thuộc Công ty Đăng ký thang, bảng lương thực hiện năm 2019 Xúc tiến nhanh việc lập hồ sơ và thực hiện các thủ tục theo quy định để xây dựng trại nuôi heo cai sữa, heo thịt tại xã Xuân Phú
11	62/NQ-HĐQT	22/08/2019	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường: Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty
12	63/NQ-HĐQT	05/09/2019	<ul style="list-style-type: none"> Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung đối với phần chứng khoán phát hành thêm



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BGD

Trong năm vừa qua HĐQT tiến hành giám sát hoạt động của BGD theo đúng Quy định Pháp luật và Quy chế công ty, cụ thể:

- Ban hành kịp thời các Quyết định, Nghị quyết, văn bản phê duyệt các Quy định, Quy chế để chỉ đạo Ban Giám Đốc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra việc duy trì áp dụng điều lệ, quy chế, quy định nội bộ đã ban hành và xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với pháp luật.
- Giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám Đốc và các phòng ban trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT: Hàng quý, Ban Giám đốc Công ty lập báo cáo về hoạt động kinh doanh và một số chỉ tiêu tài chính gửi HĐQT. Đồng thời Giám đốc Công ty phải báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT có ý kiến chỉ đạo kịp thời qua các buổi họp HĐQT.

Với sự nỗ lực trong điều hành sản xuất của Ban Giám đốc, Công ty đã giữ an toàn cho đàn heo nái sinh sản tại Trại Xuân Bắc và đàn heo thịt Trại Thiện Tân (trại thuê), Trại Xuân Bắc đã xuất bán được heo con cai sữa (7 – 8kg/con để chăn nuôi) từ tháng 11/2019, Trại Thiện Tân xuất bán heo thịt từ tháng 11/2019, ước tính sẽ có lãi khá trong quý I/2020.



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Vương Thị Kim Đương	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm từ ngày 22/04/2016	3/3	100%
2	Bà Trương Nguyễn Ngọc Hoà	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2011	3/3	100%
3	Ông Nguyễn Diên Anh Khoa	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm từ ngày 22/04/2016	3/3	100%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BSK ĐỐI VỚI HĐQT, BGD VÀ CỔ ĐÔNG

- Ban kiểm soát được mời tham gia các cuộc họp của ĐHĐCĐ, HĐQT và BGD để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- HĐQT đã tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Công ty theo đúng phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty.
- HĐQT đã giám sát chặt chẽ, chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời BGD trong điều hành hoạt động SXKD, giám sát việc thực hiện hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.
- BGD đã thực hiện đầy đủ những Nghị quyết và chỉ đạo mà HĐQT đưa ra, cố gắng hết sức để duy trì hoạt động sản xuất của Công ty trong giai đoạn khó khăn như trong thời gian qua.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BGD VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động của Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.
- Các kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát đều được HĐQT, Ban Giám đốc xem xét, xử lý kịp thời.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

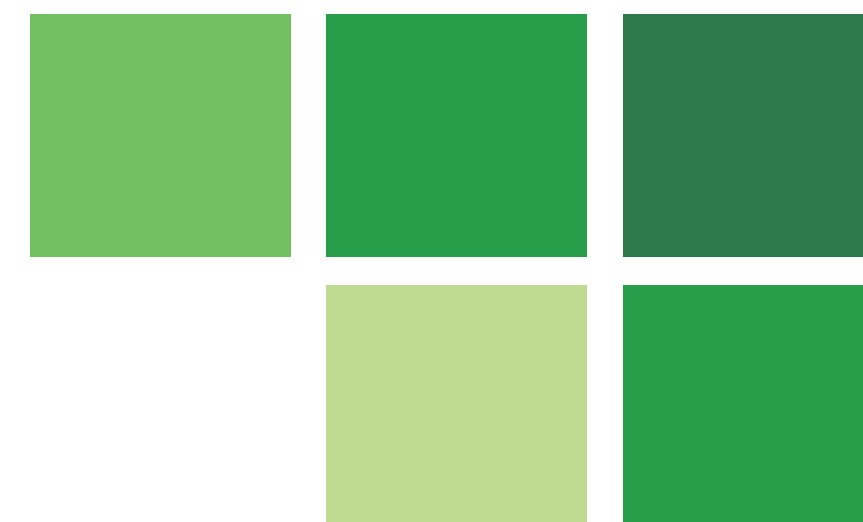
Công tác đào tạo CBCNV được Công ty thực hiện đầy đủ. Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đều đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị theo quy định về quản trị công ty.

Đây cũng là khóa học bắt buộc theo quy định của Bộ Tài chính quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho Công ty đại chúng. Khóa học thường bao gồm các nội dung như: Kiến thức chung về Quản trị công ty, Chuẩn mực và thông lệ quốc tế về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, tiêu chuẩn bầu/chọn, đánh giá, miễn nhiệm Hội đồng quản trị và thành viên, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Thư ký công ty...



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC

STT	Họ và tên	Lương công việc
1	Hội đồng quản trị	Phụ cấp 2019
1.1	Phùng Khôi Phục	16.000.000
1.2	Đình Văn Hồng	32.000.000
1.3	Hà Văn Sơn	36.000.000
1.4	Lê Phước Hùng	9.600.000
1.5	Phan Phương Phúc Phú	19.200.000
1.6	Nguyễn Văn Khâm	28.800.000
1.7	Đỗ Văn Trọng	28.800.000
2	Ban kiểm soát	
2.1	Vương Thị Kim Được (lương)	127.041.600
2.2	Nguyễn Diên Anh Khoa (phụ cấp)	24.000.000
2.3	Trương Nguyễn Ngọc Hòa (phụ cấp)	24.000.000
3	Ban điều hành	
3.1	Hà Văn Sơn (lương)	248.325.000
3.2	Đỗ Văn Trọng (lương)	181.488.000
3.3	Lê Thị Anh (lương)	152.832.000





6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý Kiến của công ty Kiểm toán
- Bảng cân đối kế toán
- Bảng báo cáo kết quả kinh doanh
- Bảng lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 28
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Xí nghiệp Chăn nuôi Phú Sơn thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 868/QĐ-CT-UBT ngày 23 tháng 02 năm 2005 của Chủ tịch tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600271092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 19 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 06 tháng 01 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 101, Ấp Phú Sơn, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Văn Hồng	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2019)
Ông Phùng Khôi Phục	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2019)
Ông Hà Văn Sơn	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 01/01/2020)
Ông Nguyễn Văn Khâm	Thành viên	
Ông Lê Phước Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm 26/04/2019)
Ông Phan Phương Phúc Phú	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2019)
Ông Đỗ Văn Trong	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Văn Sơn	Giám đốc
Ông Đỗ Văn Trong	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vương Thị Kim Duyệt	Trưởng ban
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Diên Anh Khoa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2020



Hà Văn Sơn



Số: 3003.20.002 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được lập ngày 25 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Chi nhánh Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1

Kiểm toán viên

Lê Kim Yến

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0550-2018-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN
101, Ấp Phú Sơn, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		47.897.439.972	128.789.526.466
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	24.353.546.482	85.942.098.074
111	1. Tiền		853.546.482	4.692.098.074
112	2. Các khoản tương đương tiền		23.500.000.000	81.250.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	-	5.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	5.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		621.701.794	2.232.097.162
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	157.276.435	157.276.435
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	165.915.000	168.665.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	486.301.794	2.093.947.162
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(187.791.435)	(187.791.435)
140	IV. Hàng tồn kho	08	22.002.766.086	35.615.331.230
141	1. Hàng tồn kho		22.002.766.086	35.615.331.230
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		919.425.610	-
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	919.425.610	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		73.449.187.063	80.789.702.521
220	II. Tài sản cố định		58.016.002.847	64.120.881.606
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	48.941.754.131	54.885.097.130
222	- Nguyên giá		114.904.543.290	115.435.840.980
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(65.962.789.159)	(60.550.743.850)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	9.074.248.716	9.235.784.476
228	- Nguyên giá		10.725.800.713	10.725.800.713
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.651.551.997)	(1.490.016.237)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		311.129.299	406.618.433
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	291.168.951
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	311.129.299	115.449.482
260	VI. Tài sản dài hạn khác		15.122.054.917	16.262.202.482
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	15.122.054.917	16.262.202.482
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		121.346.627.035	209.579.228.987

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.311.818.292	49.805.320.163
310	I. Nợ ngắn hạn		5.311.818.292	49.805.320.163
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.315.819.391	7.662.465.063
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		50.020.000	20.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	224.348.273	1.330.647.692
314	4. Phải trả người lao động		-	5.058.161.872
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	34.905.992	33.774.500.500
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.686.724.636	1.979.525.036
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		116.034.808.743	159.773.908.824
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	116.034.808.743	159.773.908.824
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		118.125.000.000	67.500.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		118.125.000.000	67.500.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		6.750.000.000	6.750.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		12.235.497.029	48.283.367.294
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(21.075.688.286)	37.240.541.530
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.949.589.795	9.899.681.437
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(23.025.278.081)	27.340.860.093
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		121.346.627.035	209.579.228.987

Người lập

Lê Thị Anh

Kế toán trưởng

Lê Thị Anh

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Hà Văn Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	95.846.248.000	173.826.298.200
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		95.846.248.000	173.826.298.200
11	4. Giá vốn hàng bán	19	115.739.268.178	140.569.346.551
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(19.893.020.178)	33.256.951.649
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	2.837.336.803	5.215.305.627
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	21	36.718.000	51.749.700
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	5.244.037.233	8.972.362.517
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(22.336.438.608)	29.448.145.059
31	11. Thu nhập khác	23	283.818.178	1.043.310.592
32	12. Chi phí khác	24	972.657.651	224.093.321
40	13. Lợi nhuận khác		(688.839.473)	819.217.271
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(23.025.278.081)	30.267.362.330
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	2.926.502.237
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(23.025.278.081)	27.340.860.093
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(1.949)	2.315

Người lập

Lê Thị Anh

Kế toán trưởng

Lê Thị Anh

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Hà Văn Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(23.025.278.081)	30.267.362.330
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.040.132.100	4.862.260.714
03	- Các khoản dự phòng		-	(2.366.209.827)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.703.275.252)	(3.928.363.421)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(19.688.421.233)	28.835.049.796
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.352.202.106	(2.259.922.228)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		13.903.734.095	(6.302.193.984)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(10.150.177.234)	4.098.734.619
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.140.147.565	1.041.793.333
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.245.927.847)	(1.600.000.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.131.622.400)	(1.615.924.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(18.820.064.948)	22.197.537.536
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(195.679.817)	(19.539.799.340)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		14.398.000	511.796.818
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(5.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	34.000.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	11.250.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.037.795.173	4.133.177.088
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		7.856.513.356	25.355.174.566
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(50.625.000.000)	(10.125.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(50.625.000.000)	(10.125.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(61.588.551.592)	37.427.712.102

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		85.942.098.074	48.514.385.972
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	24.353.546.482	85.942.098.074

Người lập



Lê Thị Anh

Kế toán trưởng



Lê Thị Anh

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2020



Giám đốc

Hà Văn Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Xi nghiệp Chăn nuôi Phú Sơn thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 868/QĐ-CT-UBT ngày 23 tháng 02 năm 2005 của Chủ tịch tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600271092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 19 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 06 tháng 01 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 101, Ấp Phú Sơn, Xã Bắc Sơn, Huyện Tráng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 118.125.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 118.125.000.000 đồng; tương đương 11.812.500 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi khác: Rắn, ba ba, cá sấu;
- Sản xuất nguyên liệu, chế biến thức ăn gia súc chăn nuôi;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh hạ tầng khu dân cư.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2019, do ảnh hưởng của dịch bệnh tả Châu Phi nên Công ty đã phải tiêu hủy phần lớn đàn heo bị bệnh theo quy định. Ngoài ra, giá thị trường của heo thịt thương phẩm và heo giống giảm sâu kéo dài, nguồn cung lại giảm sâu. Các yếu tố trên đã ảnh hưởng rất lớn tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, làm cho doanh thu giảm mạnh, không thu hồi được chi phí đầu tư đã dẫn đến khoản lỗ lớn trong năm.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trại chăn nuôi heo Phú Sơn	Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại chăn nuôi heo Thiện Tân	Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại chăn nuôi nái sinh sản xã Xuân Bắc	Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

HÀ
Y T
Ệ M
S C
HỒ

908-C
NH
HH
TOÁN
CHI MỸ

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó; việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất theo vòng đời sinh học của heo.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Súc vật làm việc và cho sản phẩm	04 năm
- Quyền sử dụng đất	15 - 45 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong và thuế suất thuế TNDN trong hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo Điều 5, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 hướng dẫn về thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ chăn nuôi ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% đối với hoạt động kinh doanh chăn nuôi ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và mức thuế suất TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh thông thường cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.17 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Trong năm, Công ty chỉ tập trung hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chăn nuôi và kinh doanh heo và hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	243.109.870	336.638.581
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	610.436.612	4.355.459.493
Các khoản tương đương tiền (*)	23.500.000.000	81.250.000.000
	24.353.546.482	85.942.098.074

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 đến 03 tháng có giá trị 23.500.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,5 %/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phan Trung Kiên	157.276.435	(157.276.435)	157.276.435	(157.276.435)
	157.276.435	(157.276.435)	157.276.435	(157.276.435)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ Bảo Phúc Long	114.500.000	-	114.500.000	-
- Công ty TNHH MTV Đất Quê	30.515.000	(30.515.000)	30.515.000	(30.515.000)
- Các đối tượng khác	20.900.000	-	23.650.000	-
	165.915.000	(30.515.000)	168.665.000	(30.515.000)

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về tiền lãi nhận được từ việc giải thể Công ty CP Đầu tư và quản lý Khu liên hiệp công nông nghiệp Đồng Nai (Agropak)	-	-	1.354.500.000	-
- Phải thu về lãi tiền gửi	124.629.842	-	408.801.104	-
- Phải thu BHXH	122.017.853	-	224.052.058	-
- Phải thu khác	239.654.099	-	106.594.000	-
	486.301.794	-	2.093.947.162	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Phan Trung Kiên	157.276.435	-	157.276.435	-
+ Công ty TNHH MVT Đất Quê	30.515.000	-	30.515.000	-
	187.791.435	-	187.791.435	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.583.728.285	-	13.786.569.712	-
Công cụ, dụng cụ	2.400.000	-	2.400.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.416.637.801	-	21.826.361.518	-
	22.002.766.086	-	35.615.331.230	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Dự án Xây dựng trại heo cai sữa và heo thịt tại xã Xuân Phú - Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc	260.613.795	64.933.978
- Dự án Khu dân cư 6,8ha tại xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	50.515.504	50.515.504
	311.129.299	115.449.482

1106
NH
STY
KIỂM
ASC
P.HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN
101, Ấp Phú Sơn, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (ĐÃ ĐIỀU CHỈNH)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	87.323.673.236	22.175.161.589	5.181.708.465	224.000.000	531.297.690	115.435.840.980
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(531.297.690)	(531.297.690)
Số dư cuối năm	87.323.673.236	22.175.161.589	5.181.708.465	224.000.000	-	114.904.543.290
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	45.255.319.762	12.055.186.931	2.617.763.892	224.000.000	398.473.265	60.550.743.850
- Khấu hao trong năm	3.844.100.642	1.395.558.452	570.859.480	-	68.077.766	5.878.596.340
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(466.551.031)	(466.551.031)
Số dư cuối năm	49.099.420.404	13.450.745.383	3.188.623.372	224.000.000	-	65.962.789.159
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	42.068.353.474	10.119.974.658	2.563.944.573	-	132.824.425	54.885.097.130
Tại ngày cuối năm	38.224.252.832	8.724.416.206	1.993.085.093	-	-	48.941.754.131

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 47.477.812.849 VND

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.642.457.695	83.343.018	10.725.800.713
Số dư cuối năm	10.642.457.695	83.343.018	10.725.800.713
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.406.673.219	83.343.018	1.490.016.237
- Khấu hao trong năm	161.535.760	-	161.535.760
Số dư cuối năm	1.568.208.979	83.343.018	1.651.551.997
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	9.235.784.476	-	9.235.784.476
Tại ngày cuối năm	9.074.248.716	-	9.074.248.716

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 83.343.018 VND

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Giá trị đàn heo nái, đực cơ bản	5.207.578.225	10.878.889.655
- Chi phí công cụ chờ phân bổ	1.268.179.196	368.341.904
- Chi phí thuê đất khu liên hợp công nghiệp Dofico (*)	8.646.297.496	5.014.970.923
	15.122.054.917	16.262.202.482

(*) Theo hợp đồng thuê mặt bằng số 08/2014/HĐ-QGRO ngày 12/6/2014 giữa Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn và Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Khu liên hiệp Công nông nghiệp Đồng Nai, tổng giá trị hợp đồng thuê 7.881.328.400 đồng (đã bao gồm VAT), thời hạn thuê 49 năm, để xây dựng trại heo.

Ngày 29/12/2017, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn và Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Khu liên hiệp Công nông nghiệp Đồng Nai đã ký thỏa thuận thanh lý Hợp đồng thuê mặt bằng số 08/2014/HĐ-AGRO. Theo đó Agropark phải trả lại số tiền cho thuê mặt bằng chưa thực hiện cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn là 4.691.265.551 đồng.

Ngày 01/03/2018, Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai và Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn ký Phụ lục hợp đồng thuê lại đất số 01/PLHĐTĐ/2018 bổ sung giá trị hợp đồng thuê lại đất số 11/HĐTLD/2014 ngày 30/6/2014 giữa Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai và Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn cho thời hạn thuê đất và thuê hạ tầng từ tháng 01/2018 đến tháng 02/2063 là: 13.074.985.142 đồng.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam	1.450.977.500	1.450.977.500	-	-
- Công ty CP TM thuốc thú y Hoàng Kim	216.000.000	216.000.000	16.657.620	16.657.620
- Công ty TNHH Kát Lượng	189.033.904	189.033.904	288.093.154	288.093.154
- Công ty CP Đầu tư Hiệp Lực Việt Nam	-	-	1.882.589.000	1.882.589.000
- Công ty TNHH TM-DV Mai Đô	-	-	970.152.000	970.152.000
- Công ty TNHH Minh Phát Huy	-	-	561.302.497	561.302.497
- Doanh nghiệp tự nhân Bình Phước Đạt	-	-	514.258.500	514.258.500
- Công ty CP Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc	-	-	420.642.900	420.642.900
- Phải trả các đối tượng khác	459.807.987	459.807.987	3.008.769.392	3.008.769.392
	2.315.819.391	2.315.819.391	7.662.465.063	7.662.465.063

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	2.945.455	24.381.822	25.600.004	-	1.727.273
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.326.502.237	-	2.245.927.847	919.425.610	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.200.000	1.116.829.373	895.408.373	-	222.621.000
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	178.148.111	178.148.111	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	-	1.330.647.692	1.324.359.306	3.350.084.335	919.425.610	224.348.273

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ KHÁC NGÂN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	10.405.492	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.300.500	33.751.300.500
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.200.000	3.200.000
	34.905.992	33.774.500.500

20

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN

101, Ấp Phú Sơn, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	67.500.000.000	6.750.000.000	113.761.813.170	(11.703.764.439)	176.308.048.731
Lãi trong năm trước	-	-	-	27.340.860.093	27.340.860.093
Chi trả cổ tức năm 2017	-	-	(10.125.000.000)	-	(10.125.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2018	-	-	(33.750.000.000)	-	(33.750.000.000)
Chuyển quỹ	-	-	(21.603.445.876)	21.603.445.876	-
Số dư cuối năm trước	67.500.000.000	6.750.000.000	48.283.367.294	37.240.541.530	159.773.908.824
Tăng vốn trong năm nay	50.625.000.000	-	(50.625.000.000)	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(23.025.278.081)	(23.025.278.081)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	14.577.129.735	(14.577.129.735)	-
Chi trả cổ tức năm 2018	-	-	-	(16.875.000.000)	(16.875.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.441.703.000)	(3.441.703.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(397.119.000)	(397.119.000)
Số dư cuối năm nay	118.125.000.000	6.750.000.000	12.235.497.029	(21.075.688.286)	116.034.808.743

(*) Công ty bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu từ quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 53/NQ - ĐH ngày 25 tháng 04 năm 2019

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 53/NQ - ĐH ngày 25 tháng 04 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến ngày 01/01/2019	100%	37.240.541.530
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-39,14%	14.577.129.735
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-9,24%	3.441.703.000
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-1,07%	397.119.000
Chi trả cổ tức	-45,31%	16.875.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	73,56	86.889.810.000	73,56	49.651.320.000
- Cổ đông khác	26,44	31.235.190.000	26,44	17.848.680.000
	100	118.125.000.000	100	67.500.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	67.500.000.000	67.500.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	50.625.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	118.125.000.000	67.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	33.751.300.500	1.300.500
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	43.875.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	16.875.000.000	10.125.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	-	33.750.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(50.625.000.000)	(10.125.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	1.300.500	33.751.300.500

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.812.500	6.750.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
- Cổ phiếu phổ thông	11.812.500	6.750.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	11.812.500	6.750.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.235.497.029	48.283.367.294
	12.235.497.029	48.283.367.294

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích kinh doanh và chăn nuôi heo từ năm 1996 đến năm 2045. Diện tích khu đất thuê là 228.824,1 ha. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán thành phẩm	95.846.248.000	173.826.298.200
	95.846.248.000	173.826.298.200

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 (Đã điều chỉnh) VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	115.739.268.178	142.935.556.378
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.366.209.827)
	115.739.268.178	140.569.346.551

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 (Đã điều chỉnh) VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.753.623.911	3.740.776.269
Lãi từ việc giải thể Công ty CP Đầu tư và quản lý Khu liên hiệp công nông nghiệp Đồng Nai	-	1.354.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.933.870
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	83.712.892	115.095.488
	2.837.336.803	5.215.305.627

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019 VND	Năm 2018 (Đã điều chỉnh) VND
Chi phí nhân công	36.718.000	44.350.000
Chi phí khác bằng tiền	-	7.399.700
	36.718.000	51.749.700

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.733.522.546	6.450.000.679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	348.771.324	348.771.324
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.004.522	87.203.576
Chi phí khác bằng tiền	2.074.738.841	2.080.386.938
	5.244.037.233	8.972.362.517

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	239.247.282
Thu nhập từ khoản tiền công nợ không phải thanh toán cho Công ty TNHH Hoài Nam Hoài Bắc	-	432.608.767
Thu nhập cho thuê kho, mặt bằng	207.272.724	204.272.724
Thu nhập từ bán khí biogas	36.545.454	97.181.819
Thu tiền bán phân, tiền trồng mía	40.000.000	40.000.000
Thu nhập khác	-	30.000.000
	283.818.178	1.043.310.592

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	50.348.659	-
Các khoản bị phạt	6.000.000	-
Chi thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	93.600.000	124.800.000
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	-	84.416.321
Chi phí khấu hao tài sản cố định không tham gia sản xuất kinh doanh	822.708.992	-
Chi phí khác	-	14.877.000
	972.657.651	224.093.321

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(23.025.278.081)	30.267.362.330
Các khoản điều chỉnh tăng	922.308.992	209.216.321
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	828.708.992	84.416.321
- Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	93.600.000	124.800.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(11.242.438.968)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(11.242.438.968)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(22.102.969.089)	19.234.139.683
- Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 15%)	-	18.406.513.976
- Thu nhập khác không được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 20%)	-	827.625.707
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	2.926.502.237
- Chi phí thuế TNDN được ưu đãi thuế TNDN (thuế suất 15%)	-	2.760.977.096
- Chi phí thuế TNDN không được hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)	-	165.525.141
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.326.502.237	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.245.927.847)	(1.600.000.000)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(919.425.610)	1.326.502.237

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(23.025.278.081)	27.340.860.093
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(23.025.278.081)	27.340.860.093
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	11.812.500	11.812.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.949)	2.315

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	91.051.158.152	114.640.846.885
Chi phí nhân công	14.514.699.765	22.533.592.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.040.132.100	4.862.260.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.554.507.393	2.614.413.340
Chi phí khác bằng tiền	5.249.065.181	3.903.334.700
	119.409.562.591	148.554.448.608

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Thu nhập của Giám đốc	532.658.240	353.219.600
- Thu nhập của thành viên khác trong Ban giám đốc và Hội đồng quản trị	1.460.530.792	1.280.450.000

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 căn cứ theo Thông báo số 489/TB-KTNN KVXIII ngày 30/12/2019 v/v kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước năm 2018. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
a/ Bảng Cân đối kế toán			
- Phải thu ngắn hạn khác	136	2.093.947.162	682.853.162
- Tài sản cố định hữu hình	221	54.885.097.130	54.939.804.663
+ Nguyên giá	222	115.435.840.980	115.492.434.980
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223	(60.550.743.850)	(60.552.630.317)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	291.168.951	
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	1.330.647.692	1.200.073.302
- Phải trả ngắn hạn khác	319	33.774.500.500	34.207.109.267
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	37.240.541.530	35.290.951.735
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	27.340.860.093	25.391.270.298
b/ Báo cáo Kết quả kinh doanh			
- Giá vốn hàng bán	11	140.569.346.552	140.571.233.019
- Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.215.305.627	3.860.805.627
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.972.362.517	9.263.531.468
- Thu nhập khác	31	1.043.310.592	610.701.825
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	30.267.362.330	28.187.198.145
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	2.926.502.237	2.795.927.847
- Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60	27.340.860.093	25.391.270.298
c/ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.862.260.714	4.864.147.181
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.928.363.421)	(3.984.957.421)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.259.922.228)	(848.828.228)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6.302.193.984)	(6.011.025.033)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.098.734.619	4.531.343.386



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019
CTCP CHĂN NUÔI PHÚ SƠN

Người lập

Lê Thị Anh

Kế toán trưởng

Lê Thị Anh

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Hà Văn Sơn

Đồng Nai, ngày 18 tháng 4 năm 2020

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

